

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

(Quyết định chấp thuận niêm yết số: ... 35.../2012/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán
TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 03 năm 2012)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 3203000163, ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Đà Nẵng cấp và Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 3 số 6303000078, ngày 07 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định chấp thuận niêm yết số: /2012/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2012)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

❖ **Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3**

Địa chỉ : Xã EaPô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
Điện thoại : 0500 248 6565 Fax: 0992 750 108
Website : www.pc3hp.com.vn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam**

Website: www.kisvn.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, tòa nhà Maritime Bank,
180-192 Nguyễn Công Trứ,
Q.1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3821 6898

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà CTM, 299 Cầu
Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (08) 3974 4501

Phụ trách công bố thông tin:

Họ & tên : Ông Nguyễn Sơn
Điện thoại : 0500 248 6565

Chức vụ: Giám đốc
Fax: 099 750 108

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 3203000163, ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Đà Nẵng cấp và Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 3 số 6303000078, ngày 07 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 9.500.000 cổ phiếu <i>(Chín triệu năm trăm ngàn cổ phiếu)</i>
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 95.000.000.000 đồng <i>(Chín mươi lăm tỷ đồng)</i>

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)

www.kisvn.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, tòa nhà Maritime Bank, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3821 6898

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, 249 Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (04) 3974 4501

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3655 886
Fax: (0511) 3655 887

MỤC LỤC

Trang

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT...4	
1.1 Rủi ro về kinh tế.....	4
1.2 Rủi ro về luật pháp.....	4
1.3 Rủi ro lãi suất.....	5
1.4 Rủi ro về tỷ giá USD/ VND.....	5
1.5 Rủi ro về biến động giá bán điện.....	5
1.6 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện.....	6
1.7 Rủi ro khác.....	7
1.8 Nhận định chung về các nhân tố rủi ro.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....8	
2.1 Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (DRL).....	8
2.2 Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS).....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....9	
IV. TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....10	
4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
4.2 Bộ máy quản trị công ty.....	13
4.3 Cơ cấu tổ chức công ty.....	14
4.4 Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	20
4.5 Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 01/03/2012.....	21
4.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con.....	22
4.7 Hoạt động kinh doanh.....	22
4.8 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	34
4.9 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34
4.10 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	35
4.11 Triển vọng phát triển của ngành.....	36
4.12 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	38
4.13 Chính sách đối với người lao động.....	38
4.14 Chính sách cổ tức.....	39
4.15 Tình hình hoạt động tài chính.....	39
4.16 Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng.....	44
4.17 Tài sản.....	56
4.18 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	60
4.19 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	61

4.20	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	61
4.21	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	62
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	62
5.1	Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông	62
5.2	Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.....	62
5.3	Tổng số cổ phiếu niêm yết : 9.500.000 cổ phiếu.....	62
5.4	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	62
5.5	Phương pháp tính giá	63
	Giá trị sổ sách (Book Value)	63
5.6	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	65
5.7	Các loại thuế có liên quan	65
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	66
VII.	PHỤ LỤC: Hồ sơ kèm theo	67

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1.1 Rủi ro về kinh tế

Việt Nam là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 ước tăng 5,89% so với năm 2010, thấp hơn gần 1% so với mức tăng 6,78% của năm 2010. Đặt trong điều kiện tình hình sản xuất rất khó khăn, cả nước tập trung ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, mức tăng trưởng trên là khá cao và hợp lý.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam năm 2011 cũng ghi nhận mức lạm phát ở mức cao và tình trạng nhập siêu vẫn tiếp tục duy trì. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2011 so với năm 2010 tăng 18,58%, cao hơn nhiều so với mức tăng 9,19% của năm trước. Nhập siêu hàng hóa năm 2011 ước tính 9,5 tỷ USD, bằng 9,9% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

(nguồn tin <http://www.baomoi.com/Tong-cuc-thong-ke-cong-bo-GDP-nam-2011-tang-589/45/7638653.epi>)

Ngày 24/02/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về một số giải pháp chủ yếu tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội trong năm 2011. Theo đó, trọng tâm trong chính sách của Chính phủ là ổn định kinh tế vĩ mô thay vì tăng trưởng với tốc độ cao kèm theo sự thiếu bền vững.

Một yếu tố đầu vào rất quan trọng của toàn bộ nền kinh tế chính là năng lượng điện. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế thế giới trong năm 2008 và 2009. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong nhiều năm tới. Trong giai đoạn hiện nay, an ninh năng lượng vẫn được Chính phủ nhận định là một trong những thách thức lớn của đất nước, có thể xuất hiện nguy cơ thiếu điện trong những năm tới nếu không có các giải pháp khắc phục kịp thời. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 sản xuất là không đáng kể.

1.2 Rủi ro về luật pháp

Vào tháng 9/2009, Ủy ban Kinh tế Quốc hội đã bàn thảo và nhất trí với những kiến nghị nhằm tạo điều kiện hoàn thành tốt mục tiêu Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành điện tới năm 2015 (Quy hoạch điện VI). Cụ thể như: đề nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật, cơ chế, chính sách về điện lực; sớm ban hành Luật tiết kiệm năng lượng để quản lý, sử dụng nguồn năng lượng của đất nước đạt hiệu quả, tiết kiệm, hướng tới phát triển bền vững; hoàn thiện cơ chế, chính sách về giá điện và các chính sách hỗ trợ về vốn, giải ngân, giải phóng mặt bằng các dự án điện theo Quy hoạch điện VI.

Với hệ thống pháp luật hiện tại, khả năng vẫn có thể có những thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên có nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

1.3 Rủi ro lãi suất

Năm 2010, tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng là 27,65%. Lãi suất ngân hàng được đẩy lên rất cao vào cuối năm 2010 do tốc độ tăng trưởng tín dụng lớn hơn tốc độ tăng trưởng huy động vốn. Với chính sách bình ổn kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốc độ tăng tín dụng năm 2011 của Chính phủ, lãi suất cho vay đã tăng mạnh vào nửa đầu năm 2011 và duy trì ở mức cao vào nửa cuối năm. Thực tế, mức tăng trưởng tín dụng năm 2011 chỉ vào khoảng 10%.

Đối với ngành điện nói chung, và Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nói riêng, việc đầu tư xây dựng một công trình thủy điện đòi hỏi một nguồn vốn lớn, vì vậy sự dao động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 của Công ty đang vận hành khai thác sản xuất kinh doanh điện, vẫn còn phần khoản vay tín dụng tài trợ dự án đang trong kế hoạch trả nợ các năm tới. Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số D2040309, ngày 20/9/2004 với Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng. Tổng số dư nợ vay dài hạn ngày 30/9/2011 là 17.356.056.979 đồng, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày Bên vay nhận món vay đầu tiên (đã điều chỉnh). Lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng với phí ngân hàng 1,7%/năm. Do đó, nếu lãi suất cho vay của ngân hàng biến động theo chiều hướng tăng, thì chi phí lãi vay tăng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh cũng như kế hoạch lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do số dư nợ vay không lớn nên ảnh hưởng, nếu có, cũng không lớn đối với tình hình chung của Công ty.

1.4 Rủi ro về tỷ giá USD/ VND

Ngày 11/02/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tỷ giá tham chiếu VNĐ/USD thêm 9,3% và thu hẹp biên độ từ +/- 3% xuống +/- 1%. Việc VNĐ mất giá so với USD sẽ có tác động xấu tới các doanh nghiệp vay USD để đầu tư.

Đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3, lượng vốn vay bằng ngoại tệ để đầu tư là không có. Vì vậy, sự ảnh hưởng của rủi ro về tỷ giá là rất nhỏ.

1.5 Rủi ro về biến động giá bán điện

Trong thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương yêu cầu tất cả các nhà máy điện có công suất từ 30MW trở lên, đấu nối vào lưới truyền tải điện, trừ các nhà máy BOT, sẽ phải

tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Các đơn vị phát điện này sẽ phải chào giá trong giới hạn giá trần và giá sàn.

Giá trần thị trường do Cục Điều tiết Điện lực phê duyệt hàng năm. Trong năm đầu tiên vận hành thị trường này, giá trần thị trường sẽ phải đảm bảo giá phát điện bình quân năm không vượt quá 5% so với giá phát điện bình quân của năm liền trước. Đồng thời, chỉ các tổ máy phát điện sử dụng nhiên liệu nội địa được xem xét trong tính toán giá trần thị trường.

Giá trần phải phù hợp với chi phí sản xuất điện năng của các công nghệ phát điện khác nhau. Trong đó, giá trần trong bản chào giá của các tổ máy nhiệt điện được xác định hàng năm, và điều chỉnh hàng tháng.

Giới hạn các bản chào giá sàn hay trần của các tổ máy thủy điện được xác định theo giá trị nước hàng tuần. Giá trần của nhà máy thủy điện bằng 110% giá trị nước của nhà máy tính toán hàng tuần, giá sàn của nhà máy thủy điện là 90% giá trị nước.

Ngoài ra, quy định này cũng nêu rõ, đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sẽ lựa chọn “nhà máy điện tốt nhất” để đưa vào huy động trong năm tới.

Nhà máy điện mới tốt nhất đáp ứng tiêu chí là nhà máy đã bắt đầu vận hành thương mại và phát điện toàn bộ công suất trong năm lên kế hoạch, là nhà máy sử dụng công nghệ nhiệt điện than hoặc tua-bin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng nhiên liệu nội địa, có chi phí phát điện toàn phần trung bình cho 1 kWh là thấp nhất.

Dự kiến đầu năm 2012, thị trường phát điện cạnh tranh sẽ chính thức được khởi động. Theo Quyết định 276 của Thủ tướng, đây là cấp độ 1 của quá trình hình thành thị trường điện cạnh tranh hoàn chỉnh ở Việt Nam. Cấp độ 2 là hình thành thị trường ở khâu bán buôn và cuối cùng là khâu bán lẻ điện. Quyết định này được coi là mốc quan trọng đảm bảo vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Trong năm 2011, Thủ tướng cho phép tăng giá điện hai lần: từ 01/03/2011, giá điện tăng 15% so với giá bình quân thực hiện năm 2010, lên mức 1.242 đồng/kWh. Từ 20/12/2011 giá điện bình quân tiếp tục tăng 62 đồng/kWh, lên mức 1.304 đồng/kWh.

Năm 2011 giá bán điện trung bình của Công ty Thủy điện Điện lực 3 tại Nhà máy Thủy điện Đrây H’Linh 2 vào khoảng 620 đồng/KWh. Việc tăng giá bán điện của EVN có thể dẫn tới ảnh hưởng có lợi tới giá bán điện của Công ty CP Thủy điện Điện lực 3. Giá bán điện cũng có thể thay đổi khi thị trường phát điện cạnh tranh vận hành.

1.6 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Tình hình cung ứng điện năm 2010 đã gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt, ở các tháng mùa khô, do tình hình hạn hán nghiêm trọng kéo dài làm suy giảm công suất và sản lượng các nhà máy thủy điện, nhu cầu điện tăng cao do nắng nóng. Năm 2011 hạn hán đã không xảy ra nên kết quả kinh doanh của Công ty khả quan. Tuy nhiên rủi ro về thời tiết tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

1.7 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất hỏa hoạn, chiến tranh, đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Các rủi ro trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, các sự cố kỹ thuật đối với các máy móc, thiết bị, các công trình đê đập, hồ chứa có thể gây đình trệ hoạt động sản xuất của Công ty, gây ảnh hưởng đến sự an toàn của máy móc, CBCNV và môi trường sinh thái trong khu vực tùy theo mức độ nghiêm trọng của sự cố. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia bảo hiểm cho người lao động và cho tài sản. Ngoài ra, Ban lãnh đạo của Công ty đã nhanh chóng, kịp thời đưa ra những quy định về vận hành, chế độ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ độ tin cậy của máy móc thiết bị. Bên cạnh đó Công ty cũng đã trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ an toàn cho công nhân, và đã đầu tư đội ngũ quản lý, sửa chữa, vận hành tốt. Chính vì thế, công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ về đảm bảo an toàn vận hành, chưa để xảy ra sự cố đáng tiếc nào về kỹ thuật và an toàn lao động.

1.8 Nhận định chung về các nhân tố rủi ro

Theo nhận định chung thì trong khoảng 10 năm tới, trước khi các nhà máy điện hạt nhân đi vào vận hành, thì Việt Nam vẫn còn đối mặt với nguy cơ thiếu điện. Do đó, ảnh hưởng của các nhân tố trong nền kinh tế Việt Nam đối với thị trường đầu ra của điện năng là không đáng kể. Ngành điện vẫn là mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng quốc gia. Chính phủ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng bằng các chính sách ưu đãi về thuế và vốn vay. Vì vậy, các rủi ro pháp luật sẽ theo chiều hướng có lợi cho Công ty.

Có một lợi thế nổi bật cần ghi nhận là, nhờ sự phối hợp sử dụng chung nguồn nước từ Nhà máy Thủy điện Đăk H'Linh 1 và ưu đãi từ nhà cung cấp công nghệ DEC, nên suất đầu tư của Nhà máy Thủy điện Đăk H'Linh 2 ở mức thấp kỷ lục- chỉ có 9,61 triệu đồng/1 KW công suất lắp máy. So sánh với suất đầu tư của một số nhà máy thủy điện khác tại phía Nam như Nhà máy Thủy điện Pleikrong (1.900 USD/1KW - dự kiến), Thủy điện Srok Phu Miêng (1.300 USD/1KW - dự kiến), Nhà máy Thủy điện Nà Loi (xấp xỉ 1.250 USD/KW), Nhà máy Thủy điện Ry Ninh xấp xỉ 1.020 USD/KW, Nhà máy Thủy điện Ea Krông Rou (1.158 USD/KW) thì đây là lợi thế cạnh tranh vượt trội của Công ty. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, Nhà máy Thủy điện Đăk H'Linh 2 là một công trình có suất đầu tư thấp nhất trong đầu tư công trình thủy điện tại Việt Nam cho đến nay.

Đối với giá bán điện, cơ chế mua điện của EVN giới hạn sự biến động của giá bán điện. Nhưng nếu thị trường cạnh tranh ở khâu phát điện, khâu bán buôn điện và khâu bán lẻ điện được thực hiện theo tinh thần của Quyết định 276 của Thủ tướng Chính phủ thì dự kiến giá bán điện sẽ có xu hướng tăng. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng, và giúp cổ phiếu có giá trị cao hơn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 (DRL)

Ông Lê Kim Hùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Sơn	Chức vụ: Giám đốc
Ông Phạm Đức Hùng	Chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng
Ông Tăng Tấn Ngân	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2 Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)

Ông Oh Kyung Hee	Chức vụ: Tổng Giám đốc
------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam ("KIS") tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 ("DRL"). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu từ Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bản cáo bạch	: là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
Vốn điều lệ	: là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
Cổ phần	: là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
Cổ phiếu	: là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
Cổ đông	: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
Cổ tức	: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
Năm tài chính	: là năm mười hai tháng được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm;
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
EVN	: Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
Công ty	: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
HĐQT	: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
BGD	: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
BKS	: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
KTT	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Điều lệ	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
BCTC	: Báo cáo tài chính
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
Thành viên chủ chốt	: Thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
Người có liên quan	: Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên chủ chốt Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
Tổ chức niêm yết	: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
Tổ chức tư vấn:	: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)
Tổ chức kiểm toán	: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
PC3,HP.Co	: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
kWh	: Kilowatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 3.600.000 Jun (J)
MWh	: Megawatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^3 kWh
GWh	: Gigawatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^6 kWh
KW:	: Kilowatt, đơn vị công suất
MW	: Megawatt, đơn vị công suất tương đương 10^3 KW
GW	: Gigawatt, đơn vị công suất tương đương 10^6 KW
KV	: Kilovolt, đơn vị hiệu điện thế tương đương 10^3 volt
MNDBT	: Mức nước dâng bình thường
MNDGC	: Mức nước dâng gia cường

IV. TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- ▲ Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

- ▲ Tên giao dịch đối ngoại: **HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY – POWER NO.3**
- ▲ Tên giao dịch viết tắt: **PC3,HP.Co**
- ▲ Logo Công ty: chưa đăng ký bản quyền:



Văn phòng Công ty

- Địa chỉ : Xã EaPô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
- Điện thoại : 0500 2486 565
- Fax : 0992 750 108
- E - mail : pc3hp@pc3hp.com.vn; thuydiendl3@gmail.com;
- Website : www.pc3hp.com.vn
- Mã số thuế : 0400456277
- Tài khoản số : 6341 00000 59075 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch Buôn Ma Thuột

Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.
- Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tư vấn các công trình điện.
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; các công trình đường dây, trạm biến thế điện; các công trình xây dựng dân dụng – công nghiệp.

Lịch sử hình thành và phát triển

- Công trình Thủy điện Đrây H'Linh 2 có công suất lắp máy $2 \times 8 = 16$ MW, xây dựng tại xã EaPô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk (cũ) nay là tỉnh Đắk Nông, được HĐQT Tổng công ty Điện lực Việt Nam phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 201/Q9Đ-EVN-HĐQT-TĐ ngày 25/7/2002 và giao cho Công ty Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình; HĐQT Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã có văn bản số 161/EVN/HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty Điện lực 3 phê duyệt các thủ tục đầu tư và thực hiện đầu tư của công trình Thủy điện Đrây H'Linh 2.

- Ngày 19 tháng 6 năm 2003, Công ty Điện lực 3 đã có Quyết định số 2752/EVN/ĐL3-15 về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Tổng dự toán công trình Thủy điện Đrây H’Linh 2.
- Thực hiện chủ trương phát huy mọi nguồn lực, đa dạng hóa đầu tư của Đảng và Nhà nước phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước; Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký là 95 tỷ đồng, để tiếp tục thực hiện đầu tư công trình Thủy điện Đrây H’Linh 2 do Công ty Điện lực 3 chuyển giao.
- Ngày 16 tháng 12 năm 2003, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã có quyết định số 418/QĐ-EVN-HDQT về việc chuyển giao công trình Thủy điện Đrây H’Linh 2 sang cho Công ty CP Thủy điện – Điện lực 3.
- Ngày 03 tháng 02 năm 2004, Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 411/CV-NLĐK về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần Thủy điện– Điện lực 3 làm Chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Đrây H’Linh 2.
- Thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực 3 và sau đó là Công ty CP Thủy điện – Điện lực 3 đã triển khai tất cả các giai đoạn thực hiện đầu tư đối với Công trình Thủy điện Đrây H’Linh 2.
- Tháng 11 năm 2006, Tổ máy số 1 đã chính thức vận hành sản xuất cung cấp điện hòa vào lưới điện quốc gia.
- Tháng 01 năm 2007, Nhà máy Thủy điện Đrây H’Linh 2 chính thức vận hành khai thác thương mại hai tổ máy với công suất lắp máy $2 \times 8 = 16$ MW.
- Tháng 7 năm 2008, hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính Công ty lên địa điểm mới tại xã Eapô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Sau hơn 04 năm chính thức khai thác kinh doanh Nhà máy Thủy điện Đrây H’Linh 2 đạt được thành tựu: sản lượng điện thương phẩm đạt 95 triệu kWh năm 2009, 75 triệu kWh năm 2010, và 86,69 triệu kWh năm 2011; doanh thu bán điện năm 2009 là 52,4 tỷ đồng, năm 2010 là 41,2 tỷ đồng, năm 2011 là 55,2 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế năm 2009 đạt 31,2 tỷ đồng, năm 2010 đạt 20,3 tỷ đồng, và năm 2011 đạt 30,6 tỷ đồng.

Các hoạt động mang lại doanh thu chính:

Công ty hiện đang khai thác nhà máy thủy điện Đrây H’Linh 2 (16MW)

Một số hình ảnh về Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2



4.2 Bộ máy quản trị công ty

Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông. Tổng số cán bộ công nhân viên chỉ có 32 người.

Tổ chức Bộ máy quản trị điều hành Công ty gồm có:

a. Bộ phận quản lý

- Giám đốc điều hành: 01 người

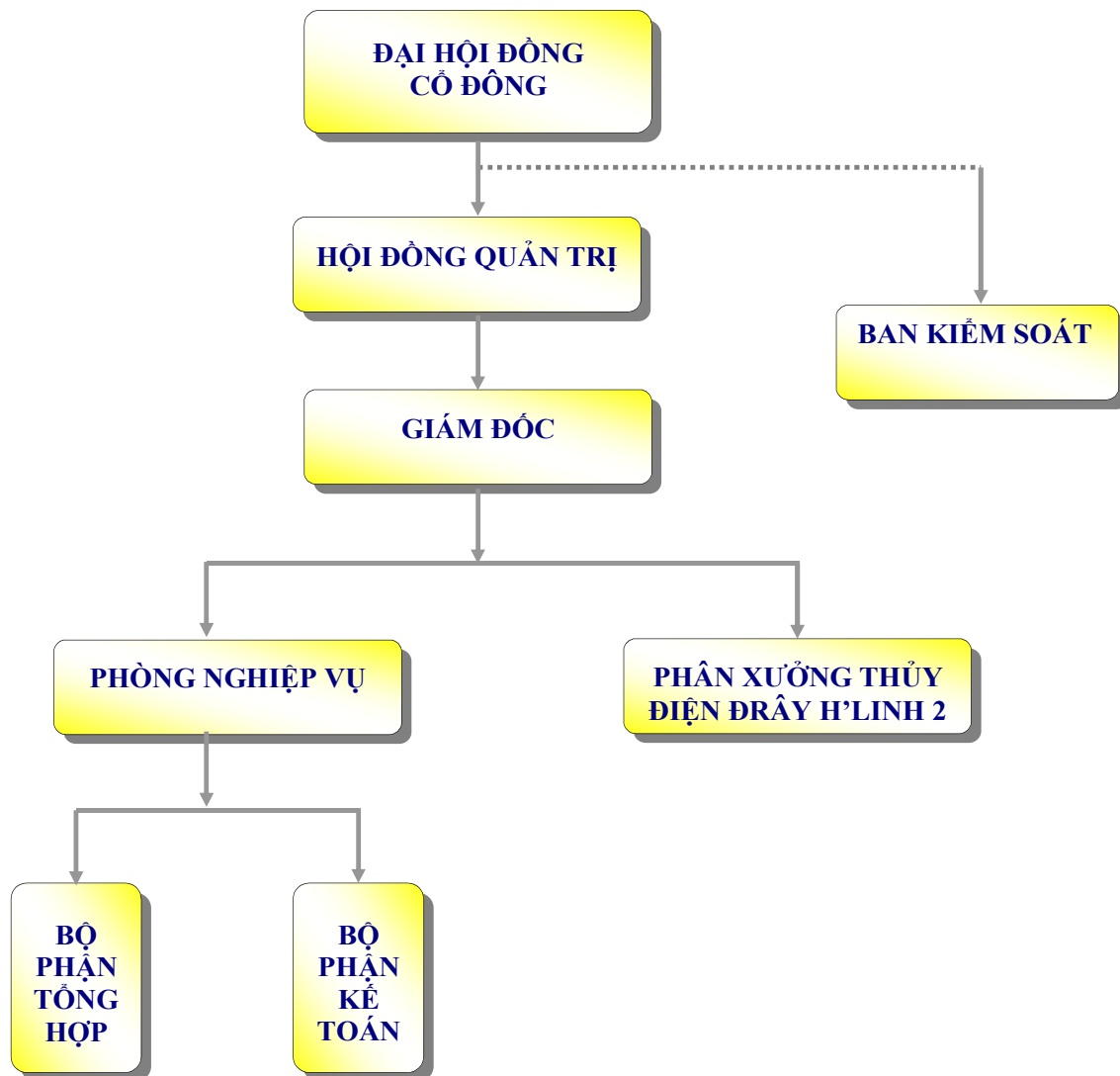
b. Phòng nghiệp vụ: Gồm 01 Trưởng phòng, và 02 Bộ phận: Tổng hợp và Kế toán

- Bộ phận Tổng hợp: Gồm 02 chuyên viên và các chuyên viên khác.
- Bộ phận Kế toán: Gồm 01 chuyên viên và các chuyên viên khác.

c. Phân xưởng Thủy điện Drây H'Linh:

Gồm 01 Quản đốc phụ trách phân xưởng, 01 nhân viên sửa chữa và 04 kíp vận hành mỗi kíp có 01 Trưởng ca điều hành.

4.3 Cơ cấu tổ chức công ty



4.3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại mà Hội đồng quản trị sẽ được quyền chào bán;
- Trừ khi pháp luật có quy định khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

4.3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên; nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm; nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện quản lý, chỉ đạo đối với hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty;
- Có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính;
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ công ty.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các nhiệm vụ khác do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

4.3.3 Giám đốc điều hành

Công ty có một Giám đốc điều hành, một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

Giám đốc và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc điều hành:

- Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động.

4.3.4 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định và trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật doanh nghiệp.
- Kiến nghị của Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

4.3.5 Phòng Nghiệp vụ

- Nghiên cứu đề xuất chương trình công tác cụ thể để thực hiện đúng các quy định của cấp trên và Công ty nhằm hoàn thành nhiệm vụ của Công ty.
- Quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn của Phòng
- Định kỳ tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm về lĩnh vực công tác của Phòng, nhằm phát huy những đơn vị, cá nhân làm tốt và chỉ ra biện pháp khắc phục đối với đơn vị, cá nhân là, chưa tốt.
- Tham gia đầy đủ vào các Hội đồng, Ban, Tổ công tác do lãnh đạo Công ty quyết định thành lập.

a. Bộ phận Tổng hợp - Phòng Nghiệp vụ

- Là Bộ phận tổng hợp và tham mưu cho Giám đốc Công ty quản lý thống nhất và chỉ đạo thực hiện công tác kế hoạch toàn diện của Công ty về sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các hoạt động khác trong toàn công ty, bảo đảm cho các hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng nguyên tắc, yêu cầu về công tác kế hoạch của Nhà nước và của Ngành; tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo, điều hành công tác điều độ vận hành phát điện, công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, công tác sửa chữa lớn, quản lý và khai thác vận hành hệ thống điện sản xuất kinh doanh, công tác sáng kiến, công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD điện năng; tham mưu cho Giám đốc quản lý thống nhất, chỉ đạo điều hành công tác quản lý vật tư trong Công ty theo đúng quy định.
- Bộ phận Tổng hợp có nhiệm vụ trong công tác xây dựng, điều chỉnh, trực tiếp lập, bảo vệ kế hoạch; điều độ, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng, kinh doanh điện năng và các hoạt động khác trên địa bàn

Công ty quản lý; tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình duyệt phương án kinh doanh điện; các nhiệm vụ khác theo quy định tại khoản 9.1 Điều 9 – Quy chế về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động của Công ty Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2009/PC3.HP.Co-TCTH ngày 05/01/2009 của Giám đốc.

Cụ thể gồm các công tác sau :

✓ **Quản lý công tác Kế hoạch:**

- Nghiên cứu đề xuất các phương án hoạt động mang lại hiệu quả cao cho Công ty;
- Xây dựng các Kế hoạch: Kế hoạch xây dựng cơ bản, Kế hoạch sản xuất hàng năm, trung và dài hạn;
- Thực hiện công tác báo cáo thống kê về đầu tư và sản xuất điện năng và báo cáo sơ tổng kết hằng năm;
- Giám sát và theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch đã vạch ra;
- Soạn thảo, quản lý, theo dõi, đôn đốc thực hiện các hợp đồng tư vấn, xây lắp và các hợp đồng khác;

✓ **Quản lý công tác tổ chức, đào tạo:**

- Tổ chức bộ máy và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Xây dựng các quy chế hoạt động của Công ty;
- Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước cho người lao động;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tay nghề cho công nhân viên toàn Công ty.

✓ **Quản lý công tác hành chính:**

- Chịu trách nhiệm chính về kiểm tra thể thức và phát hành công văn;
- Công tác lưu trữ các công văn, và hồ sơ pháp lý, quản lý sử dụng các con dấu của Công ty;
- Quản lý và đề xuất mua sắm trang thiết bị văn phòng cho các đơn vị;
- Điều động xe máy, lập kế hoạch sửa chữa xe ô tô và các thiết bị văn phòng theo định kỳ;
- Tham mưu xử lý và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong phạm vi Công ty.

b. Bộ phận Kế toán - Phòng Nghiệp vụ

- Có chức năng tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo, quản lý thống nhất các mặt hoạt động về Tài chính – Kế toán theo đúng quy định của Công ty, Luật Kế toán và các chính sách quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước ban hành; các mặt hoạt động thuộc lĩnh vực tổ chức, lao động, tiền lương, hành chính quản trị, văn thư lưu trữ, thi đua khen thưởng.
- Có các nhiệm vụ quyền hạn trong quản lý công tác Tài chính – Kế toán; Tổ chức, lao động, tiền lương và quản lý công tác hành chính quản trị theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 – Quy chế về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động của Công ty.

4.3.6 Phân xưởng vận hành Thủy điện Drây H'Linh 2

- Có chức năng nhiệm vụ quản lý vận hành các thiết bị sản xuất điện năng đúng quy trình, quy định hiện hành, theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, kinh tế.
- Có nhiệm vụ quản lý nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2 và tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ, trang thiết bị được giao để sản xuất điện; tổ chức vận hành nhà máy theo đúng quy trình, quy định kỹ thuật an toàn; thực hiện kế hoạch sản xuất điện năng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại khoản 10.3 Điều 10 – Quy chế về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động của Công ty.

Cụ thể gồm các công tác sau :

✓ **Công tác tại các Nhà máy điện:**

- Đào tạo công nhân, kỹ sư vận hành, sửa chữa;
- Nghiên cứu thiết bị để dự phòng thay thế, sửa chữa;
- Khắc phục sự cố.

✓ **Công tác an toàn:**

- Soạn thảo, phổ biến, hướng dẫn, theo dõi đôn đốc việc thực hiện qui trình kỹ thuật và kỹ thuật an toàn cho các Nhà máy thủy điện, công trình truyền tải điện theo qui định.

✓ **Công tác kế hoạch:**

- Phối hợp với Phòng Nghiệp vụ lập phương án tổ chức quản lý vận hành của Nhà máy;
- Lập kế hoạch sản xuất điện chi tiết theo giờ (cao điểm, trung bình, thấp điểm)...., từ đó có kế hoạch đăng ký bán điện hợp lý;
- Lập kế hoạch tổng hợp về lao động, tiền lương, chi phí..., và kết quả sản xuất kinh doanh của Nhà máy.

✓ **Quản lý vận hành an toàn, hiệu quả:**

- Chủ động sáng tạo trong điều hành sản xuất, quản lý vận hành sao cho có hiệu quả nhất.
- Phối hợp với các bộ phận soạn thảo ban hành các Quy trình: Kỹ thuật an toàn, vận hành, sửa chữa của Nhà máy.
- Tổng hợp kết quả kinh doanh, báo cáo định kỳ cho Giám đốc Công ty theo quy định.

✓ **Nâng cao năng suất, hiệu suất Nhà máy:**

- Nghiên cứu đưa ra các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tối ưu trong quản lý vận hành nhà máy;
- Theo dõi vận hành theo chu kỳ nhất định để kiểm tra đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, từ đó có giải pháp thích hợp để điều chỉnh thông số vận hành đạt công suất cao.

4.4 Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

4.4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 01/03/2012:

STT	Họ & Tên cổ đông	Địa chỉ /số ĐKKD	Cổ phần nắm giữ	
			Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung do ông Lê Kim Hùng làm đại diện	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu - Thành phố Đà Nẵng Số ĐKKD: 0400101394 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2010	2.890.000	30,42%
	Cộng		2.890.000	30,42%

4.4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 01/03/2012

STT	Họ & Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú	Cổ phần nắm giữ	
			Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung do ông Lê Kim Hùng làm đại diện	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu - Thành phố Đà Nẵng Số ĐKKD: 0400101394 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2010	2.890.000	30,42%
2	Cao Văn Sửu	Số 533 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	73.370	0,77%
3	Trần Thừa Hàng	Số 28 Nguyễn Tri Phương, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	200.900	2,11%
4	Nguyễn Thành Vinh	Số 4 Phạm Văn Nghị, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	30.000	0,32%
	Cộng		3.150.000	33,62%

4.5 Cơ cấu cổ đông của Công ty thời điểm 01/03/2012

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Cổ đông Nhà nước	01	2.890.000	30,42
2. Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, KTT)	09	345.500	3,64
3. Cổ đông trong Công ty	03	3.800	0,04

<i>a. Cổ phiếu quỹ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>b. Cán bộ công nhân viên</i>	<i>03</i>	<i>3.800</i>	<i>0,04</i>
4. Cổ đông ngoài Công ty	2.192	6.260.700	65,90
a. Trong nước			
+ <i>Tổ chức:</i>	<i>01</i>	<i>1.058</i>	<i>0,01</i>
+ <i>Cá nhân:</i>	<i>2.191</i>	<i>6.259.642</i>	<i>65,89</i>
b. Nước ngoài :			
+ <i>Tổ chức:</i>	-	-	-
+ <i>Cá nhân:</i>	-	-	-
Cộng : (1+2+3+4)	2.205	9.500.000	100%

4.6 Danh sách những công ty mẹ và công ty con

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 không có công ty mẹ và công ty con.
Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty nào và cũng không bị Công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

4.7 Hoạt động kinh doanh

4.7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác, sản xuất kinh doanh điện năng tại Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 là hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ khi được thành lập đến nay của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.

Ngành điện hiện là ngành kinh tế độc quyền nhà nước. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là đơn vị mua điện duy nhất và cũng là đơn vị bán điện duy nhất đến người tiêu dùng; xây dựng, quản lý hệ thống mạng lưới truyền tải điện. Các nhà cung cấp điện cũng như người sử dụng điện không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc bán và mua điện của EVN và chấp nhận khung giá điện do EVN và Chính phủ đưa ra.

Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 với công suất 16 MW gồm 02 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 08 MW, xây dựng tại xã EaPô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 đã được chính thức đưa vào vận hành thương mại từ tháng 01 năm 2007, hiện đang sản xuất điện thương phẩm để cung cấp trực tiếp cho Tổng Công ty Điện lực miền Trung (gọi tắt là CPC) theo Hợp đồng mua bán điện số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL3, ký ngày 30/5/2011.

Theo Hợp đồng này, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 bán điện cho CPC theo công suất khả dụng của thiết bị và phù hợp với Quy chuẩn ngành điện; Bên Bán cam kết không bán điện năng do Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 sản xuất ra cho bất cứ đơn vị nào khác ngoài CPC khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của CPC.

Hợp đồng bán điện có hiệu lực từ ngày 01/6/2011 và chấm dứt sau 20 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Lượng điện năng mua bán: Lượng điện năng mua bán được xác định bằng Hệ Thống Đo Đếm lắp đặt tại Điểm Giao Nhận Điện là tổng đầu ra phía cao áp các máy biến áp tăng của Nhà máy thủy điện Drây H'Linh 2.

Mức giá bán điện: giá mua bán điện được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực công bố hàng năm. Trong năm 2012 giá mua bán điện (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

$$M = (1+t) \times LE \times G$$

	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)	589	583	551	549	538	533	267
Giá công suất (đ/kWh)	1.805						

- Từ khi bắt đầu vận hành tới hết tháng 5/2011, giá điện cố định là 549 đ/kWh. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, giá điện bình quân năm 2011 là 637 đ/kWh, tăng 16% so với giá điện năm 2010.

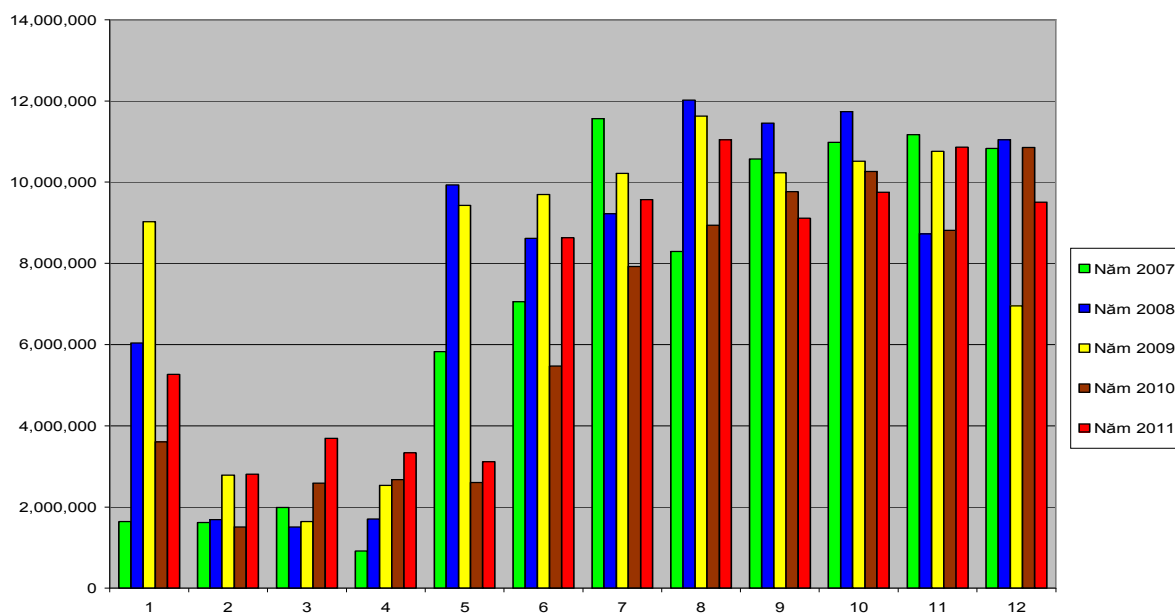
Về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất điện năng và sản lượng sản xuất điện năng tại Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2 như Bảng dưới đây :

Bảng 01: Thông tin về sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ của Nhà máy Drây H'Linh 2 trong các năm 2007, 2008, 2009 và 2010 và năm 2011 như sau (KWh) :

Thời gian phát điện	2007	2008	2009	2010	2011
Tháng 1	1.640.400	6.033.500	9.029.830	3.600.700	5.263.800
Tháng 2	1.616.930	1.689.600	2.786.490	1.508.700	2.807.600
Tháng 3	1.990.860	1.510.900	1.634.990	2.587.200	3.691.900
Tháng 4	917.310	1.701.500	2.534.230	2.674.600	3.333.900
Tháng 5	5.824.170	9.931.040	9.427.600	2.606.100	3.112.400

Tháng 6	7.055.500	8.612.960	9.693.100	5.467.500	8.630.770
Tháng 7	11.566.600	9.221.600	10.212.800	7.926.200	9.569.564
Tháng 8	8.290.500	12.018.700	11.630.400	8.938.500	11.042.944
Tháng 9	10.571.300	11.449.890	10.232.300	9.765.400	9.111.298
Tháng 10	10.981.900	11.741.500	10.518.100	10.264.200	9.753.869
Tháng 11	11.170.400	8.727.980	10.760.000	8.815.170	10.861.194
Tháng 12	10.828.400	11.042.150	6.954.030	10.852.770	9.508.662
TỔNG CỘNG	82.454.260	93.681.320	95.413.870	75.007.040	86.687.901

Tổng hợp sản lượng điện từ năm 2011 (kWh)



- Tổng sản lượng điện năm 2011 là 86.687.901 kWh, tăng 16% so với năm 2010.

Bảng 02: Thông tin về tình hình thực hiện sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Đrây H'Linh 2 trong các năm 2010 và 2011 so với kế hoạch như sau:

Đvt: KWh

Năm 2010			Năm 2011		
Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)
85.000.000	75.007.040	- 11,76%	80.000.000	86.687.901	8,36%

Bảng 03: Doanh thu chi tiết theo sản phẩm/ dịch vụ các năm 2009, 2010 và năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Sản xuất điện năng	52.382	98,70	41.179	96,97	55.240	96,43
2	Hoạt động tài chính	691	1,3	1.289	3,03	2.048	3,57
Tổng Cộng		53.073	100	42.468	100	57.288	100

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Bảng 04: Lợi nhuận chi tiết theo sản phẩm/ dịch vụ các năm 2009, 2010 và năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Lợi nhuận (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Sản xuất điện năng	34.342	109,5	24.681	112,59	35.150	104,01
2	Hoạt động tài chính (*)	(2.982)	(9,51)	(2.759)	(12,59)	(1.380)	(4,08)
3	Lợi nhuận khác	2	0,01	0	0	24	0,07
Cộng:		31.362	100	21.922	100	33.794	100

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Chú giải: () Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là khoản chênh lệch giữa lãi tiền gửi và lãi vay ngân hàng.*

4.7.2 Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào của một nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên. Vì vậy tính ổn định của nguồn nước cùng với điều kiện thời tiết, khí hậu trong vùng lưu vực hồ tích chứa nước và lưu vực sông đầu nguồn là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của một nhà máy thủy điện.

Công trình nhà máy Thủy điện Drây H'Lin 2 nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên từ lưu vực sông Sêrêpok, thuộc địa

phận xã Eapo, Huyện Cư Jút. Tổng diện tích toàn lưu vực sông Sêrêpok là 30.100 km², chiều dài sông chính là 315 km, chiều dài lưu vực chiếm 183 km. Thủy điện Đrây H'Linh 2 được xây dựng bên bờ trái, hạ lưu của Thủy Điện Đrây H'Linh 1 khoảng 80 – 100m. Tính từ nguồn đến tuyến công trình, diện tích lưu vực là 8.880 km², chiều dài sông 195 km.

Theo báo cáo của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Đơn vị tư vấn cho Công ty) về Thủy văn – Thủy Năng, tài liệu khí tượng thủy văn trong và lân cận lưu vực sông Sêrêpok như sau (số liệu thu thập từ năm 2002 đến năm 2005):

- + **Về lượng mưa:** Lượng mưa năm trung bình nhiều năm trên lưu vực biến đổi khá lớn, dao động trong khoảng 1.300 – 2.300 mm. Theo thiết kế kỹ thuật của Nhà máy Thủy Điện Đrây H'Linh 2 đã xác định lượng mưa trung bình lưu vực bằng phương pháp bình quân gia quyền là 1.826,1 mm. Khí hậu tại khu vực chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10. Tổng lượng mưa trong 6 tháng mùa mưa chiếm 80 – 84% tổng lượng mưa năm, trong đó các tháng 7, tháng 8 và tháng 9 là thời kỳ mưa lớn nhất trong năm, chiếm khoảng 45 – 50% lượng mưa năm. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, trong đó, tháng 1 và tháng 2 có lượng mưa thấp nhất và chỉ đạt 1 – 8 mm.
- + **Về dòng chảy:** nguồn cung cấp nước hàng năm cho sông Sêrêpok chủ yếu do mưa, vì vậy giữa mưa trên lưu vực và dòng chảy trên sông có quan hệ khá chặt chẽ. Trong năm, dòng chảy phân ra làm hai mùa: mùa lũ và mùa kiệt. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 8 và kết thúc vào tháng 12 (chậm hơn mùa mưa 2 tháng). Tổng dòng chảy mùa lũ chiếm 70 – 80% tổng lượng chảy năm. Đặc biệt, tháng có mùa chảy lớn nhất thường rơi vào tháng 9 và tháng 10, với tổng dòng chảy tháng chiếm khoảng 25% và lưu lượng trung bình tháng khoảng 400 – 520 m³/s. Mùa kiệt bắt đầu từ tháng 1, kết thúc vào tháng 7 năm sau. Trong đó, tháng 6 và tháng 7 là những tháng chuyển tiếp giữa mùa lũ và mùa cạn, lưu lượng trung bình khoảng 177 – 230 m³/s; thời kiệt nhất là từ tháng 1 đến tháng 5, với tổng dòng chảy chỉ chiếm 8 – 10%.

Theo tình hình thực tế của Công ty, tình hình nguồn nước và dòng chảy để đảm bảo nhà máy tạo ra được sản lượng điện cao kéo dài từ tháng 5 đến tháng 12 (8 tháng), trong đó, sản lượng điện cao nhất rơi vào tháng 8, 9 và tháng 10. Các tháng mùa kiệt có nguồn nước và dòng chảy thấp, kéo theo sản lượng điện mà Nhà máy có thể tạo ra thấp, rơi vào các tháng từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm, tuy nhiên trong các tháng mùa kiệt, sản lượng điện trung bình tháng vẫn duy trì vào khoảng 1,6 triệu kWh (theo số liệu sản lượng điện thương phẩm năm 2007 và 2008). Tình trạng này có tính ổn định tương đối và có sự lặp lại nhiều năm, điều đó cho thấy nguồn nước thực tế tại Nhà máy Thủy Điện Đrây H'Linh 2 tương đối ổn định và tương ứng với nguồn nước đã tính toán trong thiết kế kỹ thuật ban đầu.

Nguồn nước cho phát điện của Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 của Công ty được chia sẻ sử dụng chung từ Hồ chứa nước Đrây H'Linh với các Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 1 (với 3 tổ máy với công suất lắp máy 4 MW/01 tổ máy) do Công ty Lưới điện cao thế miền Trung quản lý vận hành và Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 3 (với 2 tổ máy với công suất lắp máy 3 MW/01 tổ máy) do Công ty TNHH XLĐ Hưng Phúc quản lý vận hành. Theo quy trình phối hợp khai thác

nguồn nước từ hồ chứa nước Đăy H'Linh đã được ký kết giữa các Chủ đầu tư nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 1, 2 và 3 với sự giám sát điều phối chung của Tổng Công ty Điện lực miền Trung thì việc chia sẻ quyền khai thác nguồn nước sẽ được thực hiện theo nguyên tắc chung sau: Nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 3 tham gia vận hành phải:

- Ưu tiên khai thác nguồn nước cho Nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 1 với công suất cao nhất có thể
- Lượng nước thừa sẽ do Nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 2 khai thác với thứ tự ưu tiên thứ hai. Khi nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 2 khai thác với công suất cao nhất có thể thì lượng nước thừa còn lại (nếu có) sẽ do Nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 3 khai thác.

Như vậy, Nhà máy thủy điện Đăy H'Linh 2 được xếp bậc ưu tiên thứ hai trong việc khai thác nguồn nước phát điện của sông Sêrêpôk (Hồ chứa nước Đăy H'Linh).

Ngoài ra, Công ty còn dùng các vật tư, phụ liệu khác dùng cho vận hành máy móc thiết bị như là dầu, nhớt bôi trơn... Đây là nguồn vật tư, phụ liệu mua trong nước, có nguồn bán rộng rãi trên thị trường, dễ kiểm soát chất lượng và chiếm tỉ trọng nhỏ trong chi phí sản xuất. Công ty không dự trữ hàng tồn kho, chỉ dự phòng cho sự cố trong sản xuất.

Một số thông tin cơ bản về Nhà máy Thủy điện Đăy H'Linh 2 như sau:

Chỉ tiêu/danh mục thông tin	Nội dung
Tình trạng dự án	Khởi công xây dựng vào tháng 7/2003; bắt đầu vận hành thương mại tháng 01/2007
Cơ quan lập Dự án	Công ty tư vấn xây dựng điện 1
Địa điểm xây dựng	Công trình được xây dựng trên sông Sêrêpok, thuộc địa phận xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông (Đắk Lắk cũ)
Hình thức đầu tư	Xây dựng – sở hữu – kinh doanh (BOO)
Nhiệm vụ của Dự án	Phát điện cho hệ thống điện quốc gia
Các chỉ tiêu kỹ thuật	
Diện tích lưu vực	8.880 Km ²
Lưu lượng bình quân năm	236,8 m ³ /s
Hồ chứa	
Mức nước dâng bình thường	302 m

Mực nước chết (MNC)	299 m
Mực nước lũ thiết kế	305,6 m
Diện tích mặt hồ ứng với MNC	4,7 km ²
Dung tích hồ	2,9 triệu m ³
Dung tích hữu ích	1,5 triệu m ³
Quy mô các hạng mục công trình	
Kênh dẫn vào	
Đoạn kênh đất	• Cao độ đáy đầu kênh: 297 m • Chiều rộng đáy kênh: 48 m • Độ dốc mái kênh: 1,5 • Độ dốc đáy kênh: 0 % • Chiều dài kênh: 205 m
Đoạn kênh gia cố mái	• Cao độ đáy đầu kênh: • Chiều rộng đáy kênh: 6 m • Độ dốc mái kênh: 1,5 • Độ dốc đáy kênh: 0,0002 % • Chiều dài kênh: 243 m
Bể áp lực	• Chiều dài: 55,7 m • Chiều rộng: 24 m • Cao độ đáy: 291,3 m
Cửa lấy nước	• Cao trình đỉnh cửa: 307 m • Lưu lượng nước lớn nhất qua cửa: 101 m³/s • Cao độ ngưỡng: 292,3 m
Đường ống áp lực	• Số đường ống: 4 • Kích thước ống: 3,5m x 4,1m • Chiều dài ống: 25,5 m
Nhà máy thủy điện	
Công suất lắp máy (N _{lm})	16 MW (2 tổ máy x 8 MW/tổ máy)

Công suất đảm bảo (Nđb)	8,92 MW
Cao độ đặt máy	279,8 m
Số giờ sử dụng công suất lắp máy	5.312 giờ
Sản lượng điện trung bình hàng năm theo thiết kế	85,1 triệu Kwh

Nguồn: Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2

4.7.3 Chi phí sản xuất

Đối với ngành sản xuất kinh doanh điện, đặc biệt là kinh doanh thủy điện thì suất đầu tư hay vốn đầu tư trung bình trên 1 MW công suất lắp máy là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng để so sánh về mức độ chi phí đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Dựa trên tổng vốn đầu tư quyết toán (đã được kiểm toán) cho xây dựng Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 là 147,59 tỷ đồng với công suất lắp máy là 16 MW (gồm 02 tổ máy), thì suất đầu tư của Nhà máy đạt 9,61 triệu đồng/1 KW công suất lắp máy. So sánh với suất đầu tư của một số nhà máy thủy điện tại phía Nam như Nhà máy Thủy điện Pleikrong (1.900 USD/1KW - dự kiến), Thủy điện Srok Phu Miêng (1.300 USD/1KW - dự kiến), Nhà máy Thủy điện Nà Loi (xấp xỉ 1.250 USD/KW), Nhà máy Thủy điện Ry Ninh xấp xỉ 1.020 USD/KW, Nhà máy Thủy điện Ea Krông Rou (1.158 USD/KW) thì suất đầu tư của Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 là có lợi thế cạnh tranh vượt trội về chi phí đầu tư thấp. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 là một công trình có suất đầu tư thấp nhất trong đầu tư công trình thủy điện cho đến nay.

So với giá thành điện thương phẩm được sản xuất từ các nguồn năng lượng khác như nhiệt điện, nhiệt than, dầu... thì giá thành điện được sản xuất từ thủy điện là rất thấp do đặc điểm đầu tư vào các nhà máy thủy điện là chi phí máy móc và xây dựng cao nhưng chi phí vận hành lại thấp vì nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên.

Bảng 05: Cơ cấu các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2009, 2010 và năm 2011

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán <i>Tỷ lệ/DTT</i>	16.194 <i>30,9%</i>	74,55%	16.498 <i>40,06%</i>	74,54%	20.090 <i>36,37%</i>	78,62%
2	Chi phí tài chính <i>Tỷ lệ/DTT</i>	3.674 <i>7,01%</i>	16,91%	4.048 <i>9,83%</i>	18,29%	3.412 <i>6,18%</i>	13,36%
3	Chi phí QLDN <i>Tỷ lệ/DTT</i>	1.846 <i>3,52%</i>	8,5%	1.586 <i>3,85%</i>	7,17%	2.032 <i>3,68%</i>	7,95%

4	Chi phí khác <i>Tỷ lệ/DTT</i>	9 <i>0,02%</i>	0,04%	0 <i>0,00%</i>	0%	18 <i>0,03%</i>	0,07%
Tổng cộng		21.722	100%	22.132	100%	25.552	100%
Doanh thu thuần		53.382		41.179		55.240	

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Xét về cơ cấu chi phí, Công ty có hai khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn là: chi phí giá vốn hàng bán và chi phí trả lãi vay. Đây là các yếu tố cấu thành chủ yếu của tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Hai loại chi phí này chiếm 92,83% (năm 2010) và 91,5% (năm 2009) tính trên tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ này là 91,98% tổng chi phí trong năm 2011. Nhìn chung, trong năm 2011, tổng chi phí sản xuất kinh doanh không biến đổi nhiều so năm 2010.

Lãi suất hợp đồng vay áp cho năm 2008 lên tới 19%/năm. Với lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/02/2009 chỉ còn 7%/năm nên chi phí lãi vay trong năm 2009 đã giảm đáng kể so năm 2008 (giảm 48,39% so năm 2008). Sang năm 2010 chi phí lãi vay lại tăng do lãi suất ngân hàng cao đột biến so với năm 2009. Năm 2011, mặc dù lãi suất vẫn ở mức cao nhưng vốn vay giảm mạnh, dẫn tới chi phí lãi vay đã giảm so với năm 2010.

4.7.4 Trình độ công nghệ

Các nhà máy thủy điện ở nước ta có mức độ tự động hóa, trình độ thiết bị, công nghệ khác nhau. Có nhà máy đã tự động hóa cao như Vĩnh Sơn, cũng có nhà máy sử dụng hệ thống điều khiển kích từ thuộc loại hiện đại nhất của thế giới như Hòa Bình. Bên cạnh đó, nhiều nhà máy vẫn đang sử dụng các máy móc thiết bị của những năm 60.

Hệ thống máy móc thiết bị - công nghệ mà Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2 đang sử dụng được cung cấp bởi Dongfang Electric Corporation (Trung Quốc). Nhìn chung so với các công nghệ cùng loại hiện hành, các máy móc thiết bị của nhà máy đều đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật và tương đương với các Công nghệ cùng loại có xuất xứ từ các nước khác trên thế giới. Các tính năng ưu việt của hệ thống phần mềm tự động hóa điều khiển nhà máy là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn cao. Hệ thống điều khiển có khả năng tự kiểm tra các khu vực được điều khiển và báo động khi xuất hiện lỗi của bất cứ bộ phận nào trong hệ thống. Điều này cho phép người sử dụng biết trước các sự cố có thể hoặc sắp xảy ra để có phương án chuẩn bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo hành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên đáp ứng yêu cầu vận hành nhận chuyển giao từ nhà thầu cung cấp thiết bị công nghệ, cùng với kinh nghiệm tích lũy qua thực tiễn hơn 02 năm hoạt động của Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2, đã giúp Công ty làm chủ được công nghệ nên công tác vận hành Nhà máy, luôn đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả sản xuất cao.

Bảng 06: Các thông số kỹ thuật các thiết bị chính của Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2

Tên thiết bị/ chỉ tiêu	Diễn giải	Ghi chú
1. Turbines		
+ Số lượng	02	
+ Kiểu	ZZJK508-LJ-280	
+ Số vòng quay định mức	214,3 vòng/phút	
+ Số vòng quay lồng	540,3 vòng/phút	
+ Lưu lượng định mức	49,213 m ³ /s	
+ Nhà cung cấp	Dongfang Electric Machine Works Corporation, China	
2. Máy phát điện		
+ Số lượng	02	
+ Kiểu	SF8000-28/4520, đồng bộ, trục đứng, 3 pha	
+ Công suất tổ máy	8 MW	
+ Điện áp định mức	6,3 KV	
+ Hệ số công suất	Cosφ = 0,8	
+ Số vòng quay đồng bộ	214,3 vòng/phút	
+ Số vòng quay lồng	540,3 vòng/phút	
+ Tần số định mức	50 Hz	
+ Nhà cung cấp	Dongfang Electric Corporation, China	
3. Máy biến áp chính		
+ Số lượng	02	
+ Công suất	10 MVA	
+ Tỷ số điện áp định mức	6,3/38,5 kV	
+ Sơ đồ đấu dây	Y/D-11	
+ Nhà chế tạo và cung cấp	ABB Việt Nam	

Nguồn: Phụ lục 3 - Hợp đồng mua bán điện số 02-2008/Đrầy H'Linh 2/CF TĐ ĐL3-PC3

4.7.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm năm nay đề ra là 78,5 triệu kWh.

Hiện tại Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi – Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty.

4.7.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp thông qua việc duy trì việc đáp ứng các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn theo quy định chung của ngành điện về: tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện.... Nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị, các công trình phụ trợ, đề đập, hồ chứa luôn trong điều kiện vận hành tốt, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Công ty đã triển khai một loạt các giải pháp sau :

- Công tác vận hành: thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trục ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành; ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ.
- Đưa công tác quản lý thiết bị vào nề nếp: Lập và cập nhật lý lịch thiết bị để theo dõi vận hành sửa chữa, lập nhu cầu mua vật tư thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành.
- Công tác an toàn vận hành luôn được trú trọng, tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, công tác. Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm tra định kỳ đầy đủ.
- Công tác phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng, thực hiện triển khai bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định.
- Triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ theo đúng Quy trình quy định của Công ty.
- Lập phương án Phòng chống bão lụt hàng năm, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phương án khi có lũ xảy ra.

- Xây dựng đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các Quy trình phối hợp vận hành Nhà máy; Quy trình phối hợp khai thác nguồn nước từ hồ chứa nước Đrây H'Linh; các quy trình vận hành khác.
- Phổ biến và hướng dẫn kịp thời các qui định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

Trong thời gian đầu mới đưa vào vận hành Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2, có xảy ra một vài sự cố nhỏ, hầu hết xảy ra là lỗi khách quan và do chưa nhuần nhuyễn trong phối hợp vận hành. Công tác khắc phục sự cố đều được tiến hành nhanh chóng bởi lực lượng cán bộ công nhân viên Công ty, với sự hỗ trợ đắc lực của cán bộ kỹ thuật các điện lực địa phương, kết hợp với một số đơn vị bên ngoài thực hiện hoặc yêu cầu nhà thầu cung cấp thiết bị DEC thực hiện bảo hành thiết bị theo điều khoản hợp đồng đã ký kết.

Nhờ thực thi tốt công tác chất lượng sản phẩm và an toàn lao động, Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 đã vận hành một cách an toàn và không để xảy ra bất cứ sự cố tai nạn lao động nào kể từ khi đi vào vận hành tới nay.

4.7.7 Hoạt động Marketing

Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm. Việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Công ty Điện lực 3. Những biện pháp thúc đẩy bán hàng của Công ty là chú trọng công tác quan hệ tốt với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước là Công ty Điện lực 3) bằng việc xây dựng và thực hiện tốt Quy trình phối hợp vận hành, điều độ giữa bên mua và bên bán; tổ chức các buổi giao lưu thăm hỏi trong các dịp lễ tết, học hỏi kinh nghiệm quản lý, điều độ vận hành...

4.7.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có Logo. Tuy nhiên, HĐQT đã giao cho Ban điều hành Công ty phân công người tìm tư vấn hoặc tự nghiên cứu phát triển Logo cho Công ty trong thời gian tới.

4.7.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Mức giá	Ngày hiệu lực	Số năm thực hiện
	Hợp đồng bán điện				
1	Tổng Công ty Điện lực miền Trung	Điện thương phẩm	Thay đổi hàng năm theo công bố của Cục Điều tiết Điện lực	01/06/2011	20 năm

4.8 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 07: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty các năm 2009, 2010 và năm 2011

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Tổng giá trị tài sản	137.766.985.087	139.969.803.664	141.613.843.304
2	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	52.382.214.630	41.178.864.960	55.239.892.305
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	31.359.878.957	20.335.422.855	35.150.123.110
4	Lợi nhuận khác	2.220.000	639	(23.929.586)
5	Lợi nhuận trước thuế	31.362.098.957	20.335.423.494	31.776.991.892
6	Lợi nhuận sau thuế (*)	31.239.229.578	20.335.423.334	30.652.327.243
7	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân năm	9.500.000	9.500.000	9.500.000
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.288	2.141	3.227

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Ghi chú (): Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế bằng nhau do Công ty đang trong giai đoạn được hưởng ưu đãi miễn 100% thuế TNDN từ 2007-2010.*

Năm 2009 và 2010, Công ty vẫn được miễn thuế TNDN, tuy nhiên phần thu nhập từ hoạt động tài chính không được miễn.

4.9 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ thường xuyên và kịp thời của Lãnh đạo Tổng Công ty Điện lực miền Trung cũng như các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức hoạt động kinh doanh của mình, bảo vệ an toàn tài sản Nhà máy.
- Công ty luôn nhận được sự trợ giúp thiết thực của lãnh đạo, các phòng ban kỹ thuật chuyên môn của các Công ty Điện lực tỉnh trong công tác rà soát quy trình quản lý vận hành, đặc biệt là trong công tác xử lý sự cố kỹ thuật hoặc công tác bảo hành sửa chữa.
- HĐQT Công ty thường xuyên chỉ đạo kịp thời sát sao giải quyết các khó khăn vướng mắc nảy sinh trong kinh doanh, bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.
- Tập thể cán bộ Công nhân viên đoàn kết, gắn bó với nỗ lực và lòng quyết tâm cao phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội cổ đông đề ra.

- Công tác quyết toán xây dựng cơ bản đối với Công trình Thủy điện Đrây H'Linh 2 đã hoàn thành có sự tham gia của kiểm toán độc lập, là cơ sở pháp lý chính thức cho việc hạch toán TSCĐ Nhà máy, chi phí khấu hao và xác định xác định hiệu quả kinh doanh đầu tư dự án chính xác, chân thực.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy qua thời gian thử thách vận hành, ngày càng tích lũy kinh nghiệm, từng bước nắm bắt thiết bị, xử lý linh hoạt các tình huống kỹ thuật, hạn chế thấp nhất sự cố; tính ổn định của máy móc thiết bị được kiểm chứng sau thời gian vận hành là một trong các yếu tố góp phần vào việc vận hành Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn, hiệu quả.

- Đã được xây dựng, ban hành đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật của Nhà máy, các quy trình vận hành, quản lý kỹ thuật, an toàn sản xuất để áp dụng trong thực tế; công tác quản lý thiết bị đã đưa vào nề nếp;

- Công tác vận hành tuân thủ nghiêm ngặt về quy trình kỹ thuật, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị được thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra;

- Công tác tổ chức lại bộ máy hoạt động, nhân sự được củng cố kiện toàn từng bước.

- Những yếu tố trên thúc đẩy hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, đem lại lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức cao cho cổ đông, tạo nguồn tài chính để bù đắp chi phí đầu tư, có tích lũy tạo tiền đề cho đầu tư phát triển Công ty trong các năm tới.

b. Khó khăn

- Năm 2010 và đầu năm 2011, năm trong xu thế chung trong cả nước, nguồn nước sông Sêrêpôk (hồ chứa nước Đrây H'Linh) không đảm bảo cho Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 chạy với công suất cao. Khi điều kiện thiên nhiên được cải thiện, Công ty đã có kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn vào nửa cuối năm 2011.

- Trong 3 năm 2009-2011, tình hình kinh tế trong nước dưới tác động của việc thực thi chính sách thắt chặt tín dụng của các ngân hàng và chính sách lãi suất cơ bản tăng cao nhằm kiềm chế lạm phát của Ngân hàng Nhà nước, cùng với sự bùng phát của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã gây nên nhiều khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 nói riêng. Tuy nhiên, đây là tình trạng khó khăn chung của các Doanh nghiệp và theo dự đoán lãi suất sẽ được ổn định và đi xuống trong năm 2012.

4.10 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 có Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 đang vận hành khai thác với tổng công suất lắp đặt 16 MW (02 tổ máy 8 MW), sản lượng điện thương phẩm trung bình hàng năm 85 triệu KWh như công suất thiết kế, thì sản lượng điện do Công ty cung cấp chiếm một thị phần rất nhỏ trong hệ thống sản xuất nguồn điện quốc gia.

Do đặc thù của ngành điện, giữa các công ty sản xuất điện không có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ.

Vị thế của Công ty trong hợp đồng ký với đơn vị truyền dẫn điện sẽ được cải thiện hơn khi thị trường phát điện cạnh tranh hoạt động.

4.11 Triển vọng phát triển của ngành

Năng lượng nói chung và Điện năng nói riêng là một ngành chủ đạo trong nền kinh tế của mọi quốc gia. Quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam luôn gắn liền với quá trình phát triển của ngành điện, và trong nhịp song hành đó, ngành điện luôn phải đi trước một bước.

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng xã hội ngày càng gia tăng. Do đó, nhu cầu đối với điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cũng ngày càng tăng.

Hiện nay, sản lượng điện sản xuất tại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện của cả nước và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Chính vì vậy, ngành điện nói chung và phân đoạn sản xuất điện nói riêng của Việt Nam còn nhiều tiềm năng cho đầu tư và phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển ngành điện nói chung và các nhà máy thủy điện nói riêng.

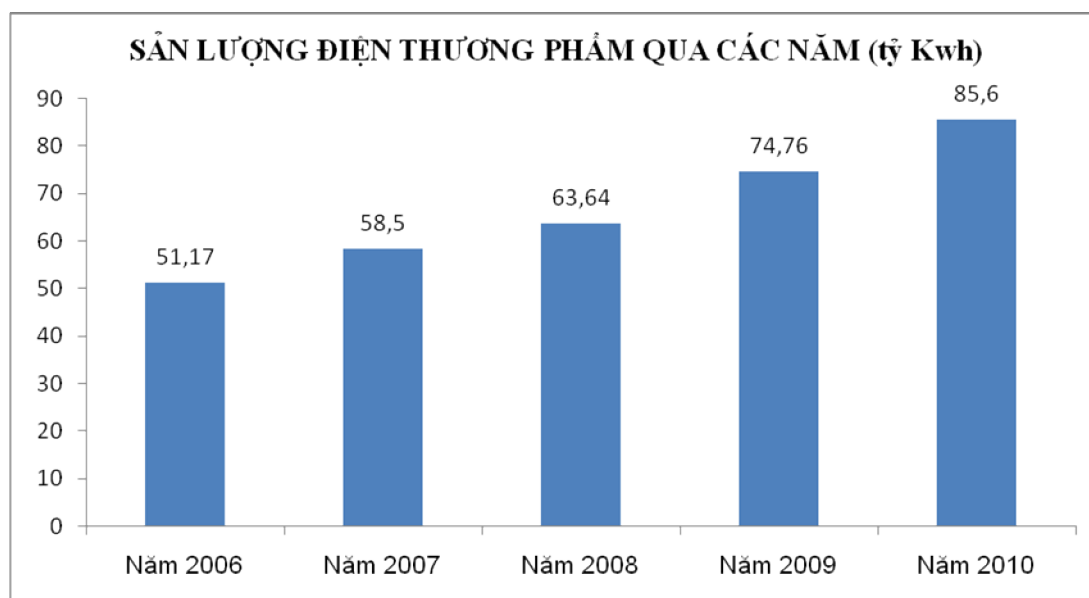
Sản lượng điện tiêu thụ hiện tại và một số dự báo trong các năm tới của Việt Nam:

Năm	2006	2010	2015
Sản lượng điện (ngàn MWH)	59,05	124	257
Sản lượng điện thương phẩm (ngàn MWH)	51,17	107	223
Sản lượng điện thương phẩm bình quân đầu người (kwh/người)	550	1.200	2.300

Tốc độ tăng trưởng của sản lượng điện trong các năm gần đây:

Đvt: tỷ Kwh

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Sản lượng điện thương phẩm	51,17	58,5	63,64	74,76	85,6
Tăng so với năm trước (%)		14,3%	8,8%	17,5%	14,4%



Nguồn: Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2010 của EVN

Số liệu trên cho thấy, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện thương phẩm trong vài năm gần đây luôn đạt ở mức cao, khoảng 14%/năm. Mức tăng trưởng này có khả năng sẽ cao hơn trong các năm sau theo mức kế hoạch của Ngành điện. Bên cạnh đó, sức tăng về nhu cầu về điện cũng không ngừng gia tăng qua từng năm. Điều này hứa hẹn những cơ hội đầu tư hấp dẫn vào ngành điện hiện tại cũng như tương lai.

Với nhu cầu hằng năm tăng tới 16 -17%, điện đang là lĩnh vực cung không đáp ứng đủ cầu, do đó thu hút mối quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư. Nguồn lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) không đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển điện năng cho nền kinh tế, vì thế việc huy động mọi hình thức đầu tư là rất cần thiết và dự kiến từ năm 2010, các nguồn điện ngoài EVN sẽ cung cấp tới 30% sản lượng điện toàn quốc.

Bên cạnh đó, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về việc phát triển thị trường điện lực đã được thể chế hóa trong Luật Điện lực (Điều 18) có hiệu lực từ ngày 01/7/2005. Theo đó, thị trường điện Việt Nam sẽ được phát triển theo ba giai đoạn:

- Thị trường phát điện cạnh tranh (2006-2008): các Công ty phát điện sẽ cạnh tranh để bán điện cho EVN.
- Thị trường bán buôn cạnh tranh (sau 2010): EVN sẽ tổ chức một thị trường điện lực nhiều người bán nhiều người mua với cơ chế hộ gia đình tiêu thụ lớn có thể mua trực tiếp từ các nhà máy điện.
- EVN sẽ tổ chức một Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong cả nước, Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch phát triển nguồn điện trong giai đoạn 2001-2010:

- Tổng công suất của các nhà máy điện mới xây dựng dự kiến là 13.144 MW. Trong đó sẽ có 42 nhà máy thủy điện với tổng công suất 5.064 MW, 07 nhà máy nhiệt điện khí với tổng

công suất 4.880MW, 09 nhà máy nhiệt điện than với 3.200 MW, mua từ các nước lân cận khoảng 300 MW.

- Về đối tượng đầu tư phát triển nguồn điện mới, trong số nhà máy điện mới xây dựng, thành phần kinh tế ngoài quốc doanh sẽ tham gia đầu tư và phát triển 24 nhà máy thủy điện có quy mô nhỏ với tổng công suất là 1.001 MW, 06 nhà máy nhiệt điện với công suất 2.660 MW; các liên doanh giữa EVN và nhà đầu tư trong phát triển 3 nhà máy với công suất 1.950 MW. Như vậy, mức đầu tư phát triển nguồn điện do các thành phần ngoài quốc doanh sẽ cung cấp khoảng 27% trong tổng sản lượng điện của Việt Nam cho đến năm 2010.

Như vậy, ngành sản xuất điện còn nhiều tiềm năng phát triển, trong đó có thủy điện với chính sách ưu đãi đầu tư, đa dạng hóa sở hữu và sẽ từng bước được tổ chức theo hướng thị trường bán điện cạnh tranh.

4.12 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

Từ phân tích về triển vọng phát triển của ngành điện như ở trên đây, có thể thấy định hướng và hoạt động của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành điện, cũng như chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Chính phủ Việt Nam.

4.13 Chính sách đối với người lao động

4.13.1 Tổng số lao động của Công ty (tính đến ngày 31/12/2011)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)
1	Lao động phân loại theo trình độ	31
	- Cán bộ có trình độ trên đại học	0
	- Cán bộ có trình độ đại học	06
	- Cán bộ có trình độ trung cấp, cao đẳng	0
	- Công nhân kỹ thuật	20
	- Lao động phổ thông/lao động khác	05
2	Lao động phân theo loại hợp đồng lao động	31
	- Lao động theo hợp đồng không thời hạn	31
	- Lao động theo hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm	0
	- Lao động theo HĐ ngắn hạn, mùa vụ (dưới 1 năm)	0
	- Lao động không phải ký kết hợp đồng lao động	0

4.13.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và

kinh phí công đoàn. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án thủy điện đang triển khai.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy nông.

Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác (thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...).

4.14 Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước, các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh đầu tư trong năm tới.

Kết quả chia cổ tức bằng tiền năm 2007 đạt tỷ lệ 27% tính theo mệnh giá vốn cổ phần. Tỷ lệ này trong các năm 2008-2010 lần lượt là 27,5%, 30%, 20,6%.

Công ty đã tạm ứng cổ tức 26,9% cho năm tài chính 2011, trong đó 6,9% được ứng vào tháng 5/2011 và 20% được ứng vào tháng 01/2012.

Công ty dự kiến chi trả cổ tức với tỷ lệ đảm bảo ít nhất 20% tính theo mệnh giá vốn cổ phần trong vòng 3 năm tới.

4.15 Tình hình hoạt động tài chính

4.15.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định (TSCĐ) được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá được phản ánh theo giá thực tế tại thời điểm giao dịch.
- Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Bảng 8: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	10 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)	3 năm

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty năm 2010, năm 2011

4.15.2 Mức lương bình quân

Quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương năm 2008 được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 14/2008/PC3.HP.Co-HĐQT-QĐ ngày 09/05/2008. Đơn giá tiền lương sản xuất điện 2008 là: 25,37 đồng/KWh điện thương phẩm. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2008 là: 6,19 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 9 triệu đồng/người/tháng, năm 2010 là 7,2 triệu đồng/người/tháng, năm 2011 là 9,3 triệu đồng/người/tháng.

4.15.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty vay dài hạn ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số D2040309 ngày 20/9/2004. Lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng với phí ngân hàng 1,7%/năm. Mục đích vay là đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Đrây H' Linh 2. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Trong suốt quá trình quan hệ tín dụng, Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

4.15.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

Bảng 09: Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

STT	Các khoản thuế phải nộp	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
		Số phải nộp	Số phải nộp	Số phải nộp
1	Thuế VAT	971.214.501	234.364.935	1.854.748.782
2	Thuế Tài nguyên	333.023.764	86.173.610	505.987.223
3	Thuế TNDN (*)	122.869.379	0	1.124.664.649
4	Thuế khác	5.607.427	275.871.565	29.036.488
Tổng cộng		1.432.715.071	596.410.110	3.514.437.142

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Ghi chú (): Công ty được hưởng ưu đãi miễn 100% thuế TNDN từ 2007 - 2010*

4.15.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty hàng năm được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Điều lệ của công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Số dư tại các Quỹ của Công ty:

Đơn vị: VNĐ

Tên quỹ	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	198.751.552	427.008.456	1.119.983.751	1.219.983.751
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0	470.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	134.821.508	1.007.865.965	83.519.786	1.085.789.816
Tổng cộng	333.573.060	1.434.874.421	1.203.503.537	2.775.773.567

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

4.15.6 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 10: Các khoản phải trả

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011	
		Số tiền	Nợ quá hạn	Số tiền	Nợ quá hạn	Số tiền	Nợ quá hạn
I	Nợ ngắn hạn	10.040.001.724	0	8.588.819.757	0	7.357.337.719	0
1	Vay ngắn hạn	6.942.422.790		6.942.422.790	0	0	
2	Nợ dài hạn đến hạn trả						
3	Phải trả người bán	296.946.364		202.153.696		204.010.111	
4	Người mua trả tiền trước	0		0		0	

5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.432.715.071		596.410.110		3.514.437.142	
6	Phải trả CNV	315.555.762		720.396.221		754.772.671	
7	Phải trả phải nộp khác	44.495.772		43.917.154		64.569.959	
8	Chi phí phải trả					1.733.758.020 ^(*)	
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.007.865.965		83.519.786		1.085.789.816	
II	Nợ dài hạn	27.769.691.164	0	20.827.268.374	0	13.569.691.164	0
	Vay và nợ dài hạn	27.769.691.164		20.827.268.374		13.569.691.164	0
	Tổng cộng	37.809.692.888	0	29.416.088.131	0	20.209.278.544	0

(*) Phí môi trường rừng trả từ 01/01/2011 theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010

Bảng 11: Các khoản phải thu

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011	
		Số tiền	Nợ quá hạn	Số tiền	Nợ quá hạn	Số tiền	Nợ quá hạn
1	Phải thu khách hàng	4.199.538.717		6.553.987.803		9.976.277.071	
2	Trả trước cho người bán	246.477.000		0		113.500.000	
3	Các khoản phải thu khác	742.426.642	467.858.401	893.856.098	467.858.401	654.649.777	467.858.401
	Tổng cộng	5.188.442.359	467.858.401	7.447.843.901	467.858.401	4.916.950.572	467.858.401

Khoản nợ quá hạn 467.858.401 là do Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng chưa trả cho PC3,HP.Co do tranh chấp về dân sự. Chi tiết được trình bày tại mục IV.4.21 trong Bản cáo bạch này. Công ty đã thực hiện trích lập vào Quỹ dự phòng tài chính 470.000.000 đồng kể từ quý 2/2011 cho khoản nợ quá hạn này.

4.15.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: Các chỉ số tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,99	3,55	5,73
	Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,97	3,45	5,60
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	27,44%	21,02%	14,78%
	Hệ số Nợ/VCSH	37,83%	26,61%	17,34%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân (lần)	73,40	30,09	22,05
	Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,38	0,29	0,39
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	59,64%	49,38%	55,49%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH	31,25%	18,39%	25,40%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	22,68%	14,53%	21,65%
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	59,87%	49,38%	57,48%

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011 đã được kiểm toán

Các chỉ tiêu tài chính thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tại các thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/12/2011 đều ở mức cao. Điều này là do Công ty có số nợ ngắn hạn luôn ở mức rất thấp, chủ yếu bao gồm khoản vay ngân hàng phải trả hàng năm, thuê và các khoản phải nộp Nhà nước.

Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cũng có xu thế giảm, lần lượt là 14,78% và 17,34% vào 31/12/2011 do tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty được giữ ở mức ổn định trong khi nợ ngân hàng của Công ty giảm dần qua các năm.

Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm qua các năm do Công ty tăng cường tích trữ nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Ngoài ra, doanh thu của Công ty

mang tính mùa vụ với doanh thu 6 tháng cuối năm thường cao hơn nhiều lần doanh thu 6 tháng đầu năm. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2011 tăng so với năm 2010 do doanh thu tăng. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty năm 2011 đã được cải thiện so với năm 2010 và ổn định kể từ năm 2009.

Như đã trình bày ở trên, doanh thu của Công ty mang tính mùa vụ rất cao. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2010 là 10.126.195.200 đồng, bằng 24,59% so với doanh thu cả năm 2010. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2011 là 18.247.403.780 đồng, bằng 33,03% so với doanh thu cả năm 2011. Do đó, các chỉ tiêu liên quan tới lợi nhuận của Công ty thường thay đổi mạnh theo hướng tích cực vào nửa cuối các năm.

4.16 Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm
Lê Kim Hùng	Chủ tịch	1956	28/04/2008
Nguyễn Sơn	Ủy viên, kiêm Giám đốc	1960	28/04/2008
Trần Thừa Hàng	Ủy viên	1946	28/04/2008
Trần Cao Hớn	Ủy viên	1946	28/04/2008
Nguyễn Thành Vinh	Ủy viên	1956	28/04/2008

Ban Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Sơn	Giám đốc	1960	28/04/2008

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm
Tăng Tấn Ngân	Trưởng ban	1957	28/04/2008

Hồ Thăng Thu	Ủy viên	1968	28/04/2008
Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên	1952	28/04/2008

Kế toán Trưởng

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm
Phạm Đức Hùng	Trưởng phòng Nghiệp vụ, kiêm Kế toán trưởng	1965	15/05/2008

Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng

Ông: Lê Kim Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Lê Kim Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1956

Nơi sinh: Hòa Phước, Hòa Vang, TP Đà Nẵng

CMND: 201108258, ngày cấp 08/6/2004, nơi cấp: CA Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hòa Phước, Hòa Vang, TP Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Số 43 Tôn Thất Tùng, TP. Đà Nẵng

Số ĐT liên lạc: 0963252999

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

+ *Từ 1975-1980* Bộ đội Viện quân y 17 Quân Khu 5

+ *Từ 1980-1981* Học văn hóa Trường văn hóa Quân khu 5

+ *Từ 1981-1986* Học trường Đại học bách khoa Đà Nẵng

+ *Từ 1986-1990* Công tác tại Xí nghiệp chế biến gỗ Hòa Vang, Đà Nẵng

<i>+ Từ 1990 – nay</i>	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực miền Trung
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Chủ tịch HĐQT
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):</i>	2.900.000 cổ phần, chiếm 30,52% vốn điều lệ
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	2.890.000 cổ phần, chiếm 30,42% vốn điều lệ
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Mối quan hệ: Phó Tổng Giám đốc, Tên tổ chức: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung nắm giữ: 2.890.000 cổ phần, chiếm: 30,42% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Ông Nguyễn Sơn - Ủy viên Hội đồng Quản trị, kiêm Giám đốc

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Sơn
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	16/12/1960
<i>Nơi sinh:</i>	Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
<i>CMND:</i>	240285767, ngày cấp 13/10/2010 nơi cấp: CA tỉnh Đắk Lắk
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phường Tân Tiến, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0935334555

<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư cơ khí
<i>Quá trình công tác</i>	
+ <i>Từ 1985-1988</i>	Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'Linh
+ <i>Từ 1989-1990</i>	Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'Linh
+ <i>Từ 1991-2003</i>	Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
+ <i>Từ 2003-2005</i>	Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
+ <i>Từ 2005-2007</i>	Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
+ <i>Từ tháng 10/2007 – nay</i>	Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Ủy viên HĐQT, kiêm Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Ông Trần Thừa Hàng - Ủy viên HĐQT

<i>Họ và tên:</i>	Trần Thừa Hàng
-------------------	-----------------------

<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	10/10/1946
<i>Nơi sinh:</i>	Thừa Thiên – Huế
<i>CMND:</i>	201302474, ngày cấp 22/11/1992, nơi cấp: CA QNĐN
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Phong Điền, Thừa Thiên Huế
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 28 Nguyễn Tri Phương, TP. Đà Nẵng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0903501020
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư điện
<i>Quá trình công tác</i>	
+ <i>Từ 1970-1988</i>	Kỹ sư thiết kế điện
+ <i>Từ 1988-2006</i>	Quản lý dự án điện thuộc Công ty Điện lực 3
+ <i>Hiện nay</i>	Nghỉ hưu
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Ủy viên HĐQT
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):</i>	200.900 cổ phần, chiếm 2,11% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	200.900 cổ phần, chiếm 2,11% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Mối quan hệ: Vợ, Tên cá nhân: Vũ Thị Lan, nắm giữ: 71.340 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ Mối quan hệ: con , Tên cá nhân: Trần Thị Hương Giang nắm giữ: 37.700 cổ phiếu, chiếm: 0,40% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trần Cao Hớn - Ủy viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Cao Hớn**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/10/1946
Nơi sinh: Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định
CMND: 210007927, ngày cấp 29/3/2002, nơi cấp: CA Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú: 207 Nguyễn Thị Minh Khai, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc: 0963450199
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Quá trình công tác
+ Từ 1971-1976 Công tác ở Thái Bình
+ Từ 1976-1996 Công tác ở Bình Định
+ Từ 1989-1996 Phó Giám đốc Điện lực Bình Định
+ Từ 1996-2006 Công tác ở Điện lực Gia Lai. Phó giám đốc, rồi Giám đốc Điện lực Gia Lai.
+ Hiện nay Nghỉ hưu
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: **Ủy viên HĐQT**
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012): 12.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	12.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Ông Nguyễn Thành Vinh - Ủy viên HĐQT

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Thành Vinh
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	16/5/1956
<i>Nơi sinh:</i>	Nghệ An
<i>CMND:</i>	201620389, ngày cấp 31/5/2008, nơi cấp: TP Đà Nẵng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 4 Phạm Văn Nghị, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0913424340
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	
<i>+ Từ 1984-1987</i>	Phòng vật tư - Công ty Điện lực 3
<i>+ Từ 1988-2001</i>	Phòng kế hoạch – Xí nghiệp Vật tư Vận tải - Công ty Điện lực 3
<i>+ Từ 2002 – nay</i>	Công ty CP Điện lực Sông Hàn
<i>Các chức vụ công tác hiện</i>	Ủy viên HĐQT

nay tại tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc - Công ty CP Điện lực Sông Hàn.

Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012): 30.000 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Sơn - Giám đốc

(Thông tin chi tiết ở phần thành viên Hội đồng Quản trị trên đây)

Ông Tăng Tấn Ngân - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Tăng Tấn Ngân**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/4/1957

Nơi sinh: Trung Nghĩa, p. Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

CMND: 200863469, ngày cấp 25/5/1999, nơi cấp: CA Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trung Nghĩa, p. Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà

	Năng
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Tổ 5, p. Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
<i>Số ĐT liên lạc (địa chỉ liên lạc)</i>	0963012567
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ <i>Từ 7/1977-7/1982</i>	Đi nghĩa vụ quân sự tại Ban tài vụ Tỉnh đội Đắk Lắk
+ <i>Từ 8/1982-6/1990</i>	Làm kế toán xây dựng cơ bản tại Tổng kho Vật tư Vận tải thuộc Công ty Điện lực 3 (nay là Công ty CP Vật tư Vận tải và Xây lắp Điện Miền Trung)
+ <i>Từ 7/1990-01/1996</i>	Làm kế toán Tổng hợp về XD CB tại Phòng Tài chính Công ty Điện lực 3
+ <i>Từ 02/1996-9/2001</i>	Chuyên viên Phòng Tổ chức lao động - Công ty Điện lực 3
+ <i>Từ 10/2001-nay</i>	Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Trưởng Ban kiểm soát
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):</i>	20.000 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	20.000 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với</i>	Không

Công ty:

Lợi ích liên quan đối với Không

Công ty:

Ông Hồ Thắng Thu - Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Hồ Thắng Thu**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/9/1968

Nơi sinh: Hải Dương

CMND: 200992954, ngày cấp 26/7/2007, nơi cấp: CA Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: K56/12, Ngọc Hân, Đà Nẵng

Số ĐT liên lạc: 0963 338888

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

+ Từ 1990 – nay Công tác tại Phòng Tài chính - Công ty Điện lực 3

Các chức vụ công tác hiện **Ủy viên Ban kiểm soát**

nay tại tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm Phó trưởng Ban Tài chính – Tổng Công ty Điện lực Miền
giữ tại tổ chức khác: Trung

Số CP nắm giữ (thời điểm 10.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
01/03/2012):

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Không

Công ty:

*Những người liên quan có
nắm giữ cổ phiếu của tổ
chức niêm yết:*

Không

*Những khoản nợ đối với
Công ty:*

Không

*Lợi ích liên quan đối với
Công ty:*

Không

Ông Nguyễn Đức Trọng - Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Đức Trọng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/5/1952

Nơi sinh: Gia Điện, Hạ Hòa, Phú Thọ

CMND: 240815384, ngày cấp 17/8/2009, nơi cấp: CA Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Gia điện, Hạ Hòa, Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: 204 Nguyễn Công Trứ, Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh
Đắk Lắk

Số ĐT liên lạc 0963436331

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

+ *Từ 1969-1970* Học đại học Cơ điện Bắc Thái

+ *Từ 1970-1975* Đi bộ đội (Hạ sỹ quan)

+ *Từ 1975-1980* Học đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc

+ *Từ 1981-1987* Kỹ sư làm việc tại Đài Hoa Sen 1 Tổng cục Bưu điện

+ *Từ 1987-nay* Làm việc tại Công ty Điện lực Đắk Lắk, nay là Giám đốc

*Các chức vụ công tác hiện
nay tại tổ chức niêm yết:* **Ủy viên Ban kiểm soát**

<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Giám đốc Công ty Điện lực Đắk Lắk
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):</i>	40.000 cổ phần, chiếm 0,42% vốn điều lệ
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	40.000 cổ phần, chiếm 0,42% vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Ông Phạm Đức Hùng – Trưởng phòng Nghiệp vụ, kiêm Kế toán trưởng

<i>Họ và tên:</i>	Phạm Đức Hùng
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/2/1965
<i>Nơi sinh:</i>	TP.Buôn Ma Thuột
<i>CMND:</i>	240240147, ngày cấp 18/9/2003, nơi cấp: CA Đắk Lắk
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Tiên Lữ, Hưng Yên
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	197, Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột.
<i>Số ĐT liên lạc</i>	0906 851222
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác</i>	

+ Từ 1983-2004	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán tại Điện lực Đắk Lắk
+ Từ 2004- 2008	Trưởng phòng Tài chính Kế toán tại Điện lực Đắk Nông
+ Từ 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Công Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng phòng Nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012):	12.600 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	12.600 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4.17 Tài sản

4.17.1 Đất đai

Bảng 13: Danh mục diện tích đất đai

Danh mục	Diện tích
Diện tích nhà xưởng đang sử dụng	1.365 m ²
Diện tích nhà xưởng không cần dùng	0 m ²
Diện tích đất đang sử dụng trong kinh doanh	224.058 m ²
Diện tích đất đang quản lý	224.058 m ²

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.

Theo Quyết định số 1243/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì Ban quản lý Dự án các công trình Thủy điện vừa và nhỏ thuộc Công ty Điện lực 3 được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho 224.058 mét vuông đất sử dụng để xây dựng công trình Thủy điện Đrây H'Linh 2 bao gồm đất để xây dựng hệ thống hồ chứa nước, nhà máy phát điện, hệ thống đường điện, hệ thống đường giao thông ...

Toàn bộ diện tích đất này được Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 nhận bàn giao cho và nhận kế thừa từ Ban quản lý Dự án các công trình Thủy điện vừa và nhỏ thuộc Công ty Điện lực 3 khi được giao kế thừa làm chủ đầu tư dự án công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 theo Quyết định số 418/QĐ-EVN-HĐQT Ngày 16/12/2003 HĐQT Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về việc chuyển giao công trình Thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty CP Thủy điện – Điện lực 3.

4.17.2 Tài sản cố định

Bảng 14: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2011

Đơn vị: VND

Tài Sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	149.479.472.684	50.318.734.771	99.160.737.913
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	60.082.116.557	7.945.845.089	52.136.271.468
Máy móc thiết bị	86.524.815.289	41.037.232.394	45.487.582.895
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.120.293.365	1.004.233.022	116.060.343
Thiết bị, dụng cụ quản lý	235.001.002	128.710.214	106.290.788
Tài sản cố định khác	1.517.246.471	202.714.053	1.314.532.418
Tài sản cố định vô hình	85.000.000	63.691.756	21.308.244
Chương trình quản lý cổ đông	40.000.000	40.000.000	0
Phần mềm kế toán, vật tư, TSCĐ	20.000.000	6.666.672	13.333.328
Website	25.000.000	17.025.084	7.974.916

Nguồn: BCTC năm 2011 đã kiểm toán

Bảng 15: Danh mục các tài sản chính tính đến thời điểm 31/12/2011.

STT	TÊN TSCĐ	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Thời gian	Giá trị còn lại
				KH	
A	TSCĐ HỮU HÌNH		149.479.472.684		99.160.737.912
I.1 Nhà cửa, vật kiến trúc			60.082.116.557		52.136.271.468
1	Kênh dẫn nước	19/01/2007	11.439.601.803	30	9.579.809.236
2	Bể áp lực, cửa nhận nước, đường ống áp lực	19/01/2007	12.592.539.432	30	10.541.721.851
3	Nhà máy	19/01/2007	29.734.886.328	50	26.836.312.528
4	Kênh xả	19/01/2007	2.963.074.990	30	2.461.728.642
5	Đường giao thông nội bộ	25/05/2008	1.404.144.737	20	1.152.568.806
6	Hệ thống chiếu sáng	19/01/2007	64.216.417	10	25.453.575
7	Nhà để xe ô tô	17/11/2005	14.506.364	5	0
8	Nhà QLHC và nhà ở CBCNV	19/01/2007	1.558.556.284	25	1.261.747.111
9	Đường, cổng vào nhà ăn, nhà kho và giá đỡ vật tư.	28/10/2008	33.745.591	25	29.583.626
10	Đường lên nhà ăn, nhà kho	28/01/2010	108.533.945	20	98.074.433
11	Sân vườn cây xanh NMTĐ Đầy H'Linh 2	03/03/2009	168.310.666	25	149.271.660
I.2 Máy móc thiết bị			86.524.815.290		45.487.582.896
1	Máy phát động lực (hai tổ máy)	19/01/2007	61.077.017.584	10	30.190.974.369
2	Máy móc thiết bị công tác khác	19/01/2007	22.758.256.665	12	14.273.463.903
3	Trạm biến áp và ĐZ 35kV	19/01/2007	2.689.541.041	10	1.023.144.624
I.3 Phương tiện vận tải truyền dẫn			1.120.293.364		116.060.343
1	Xe gắn máy super Dream	18/07/2005	15.457.728	6	0
2	Xe ô tô Mitsubishi 2 cầu, 07 chỗ ngồi	01/08/2004	665.028.000	6	0
3	Xe ô tô TOYOTA Hiace	01/08/2007	439.807.636	6	116.060.343
I.4 Thiết bị dụng cụ quản lý			235.001.002		106.290.788
1	Máy photocopy TOSHIBA 2030	07/11/2005	33.410.909	3	0

2	Máy photocopy TOSHIBA E120	28/01/2004	18.791.818	3	0
3	Máy tính xách tay Thinkpak	28/10/2004	22.450.875	3	0
4	Máy tính xách tay HP 520	07/11/2008	11.400.000	3	0
5	Máy tính xách tay HP 6885	31/12/2008	18.051.428	3	1
6	Máy tính xách tay HP 6885	31/12/2008	18.051.428	3	1
7	Máy tính xách tay Dell N4050	14/12/2011	13.627.273	3	13.407.478
8	Máy tính xách tay Asus 52 TU-S179	18/12/2011	18.084.545	3	18.019.726
9	Điện thoại Samsung Galaxy N7000	09/12/2011	16.353.636	3	16.016.598
10	Điện thoại Samsung Galaxy N7000	11/12/2011	16.353.636	3	16.045.906
11	Điện thoại Samsung Galaxy N7000	13/12/2011	16.353.636	3	16.075.214
12	Điện thoại Samsung Galaxy N7000	18/12/2011	16.353.636	3	16.148.483
13	Tivi LCD 40in	08/01/2011	15.718.182	3	10.577.381
I.5 TSCĐ khác			1.517.246.471		1.314.532.418
1	Khuôn viên văn phòng	16/11/2010	1.047.846.728	8	900.493.283
2	Khuôn viên Văn phòng GD 2	06/12/2010	220.217.410	8	190.840.281
3	Khuôn viên nhà máy	20/12/2010	199.182.333	8	173.548.316
4	Bộ bàn 8 ghế gỗ	19/12/2011	20.450.000	5	20.307.070
5	Bộ bàn ghế Sofa	19/12/2011	29.550.000	5	29.343.468
II. TSCĐ VÔ HÌNH			85.000.000		21.308.244
1	Chương trình quản lý cổ đông	18/09/2007	40.000.000	3	0
2	Website	15/12/2009	25.000.000	3	7.974.916
3	Phần mềm kế toán, vật tư, TSCĐ	01/01/2011	20.000.000	3	13.333.328
TỔNG CỘNG			149.564.472.684		99.182.046.157

4.18 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

4.18.1 Kế hoạch phát triển Công ty

- Tiếp tục vận hành an toàn hiệu quả Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 đảm bảo cổ tức được chia hàng năm cho các cổ đông ít nhất 20%.
- Nếu thị trường có diễn biến thuận lợi, Công ty sẽ tiếp tục tiến hành xin chủ trương đầu tư dự án thủy điện Đrây H'Linh 4 với tổng công suất lắp máy là 20MW. Chọn một đơn vị tư vấn độc lập đủ năng lực để thẩm định tính hiệu quả của dự án.

Bảng 16: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	
		Giá trị	Tỷ lệ đạt So với 2011
1	Doanh thu thuần (triệu đồng)	58.200	105,36%
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	31.861	105,50%
3	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	54,74%	100,13%
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ (%)	33,54%	105,50%
5	(*)Tỉ lệ chia cổ tức tính trên mệnh giá cổ phần (%)	30,17%	100,18%

Ghi chú (): năm 2011 Công ty đã tạm ứng cổ tức 26,9%.*

4.18.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Sau hơn 04 năm Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 đi vào khai thác vận hành, với kết quả sản lượng điện thương phẩm và doanh thu bán điện, lợi nhuận kinh doanh các năm 2007-2009 và 2011 của Công ty đều đạt và vượt mức so với dự kiến kế hoạch đề ra. Riêng năm 2010 do khó khăn về nguồn nước, lãi suất ngân hàng nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm so với năm 2009. Điều này chứng tỏ được tính ổn định trong hoạt động của máy móc thiết bị, hệ thống hồ đập, đầu mối dẫn nước; kinh nghiệm vận hành của đội ngũ cán bộ kỹ thuật ngày một tích lũy trải nghiệm thực tế; điện đầu ra đều đảm bảo tiêu thụ hết theo mức giá ổn định bằng hợp đồng bán điện dài hạn, đồng thời có khả năng được tăng giá theo chính sách điều hành giá bán điện của nhà nước; Khoản vay tín dụng dài hạn giảm dần; các chi phí hoạt động cũng mang tính ổn định do Công ty đã xây dựng được định mức chi phí và thực thi triệt để chính sách tiết kiệm trong cán bộ công nhân viên;

Công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ được Công ty chú trọng; công tác vận hành, xử lý các sự cố đã đi vào nề nếp theo đúng Quy trình đề ra.

Xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ với cơ quan quản lý, Tổng Công ty Điện lực miền Trung là cổ đông lớn, cùng với các cấp chính quyền địa phương trong bảo vệ an ninh khu vực Nhà máy. Nếu không có hoạt động đầu tư đột biến, công tác vận hành hành chủ động kiểm soát được các sự cố rủi ro, không để có sự cố đáng kể xảy ra thì kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đã đề ra cho năm 2012 là có tính khả thi cao.

4.18.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 16/4/2010 thì Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thủy điện – Điện lực 3 giao cho HĐQT và Giám đốc Công ty tiến hành xin chủ trương đầu tư dự án thủy điện Đrây H'Linh 4 với tổng công suất lắp máy là 20MW, chọn một đơn vị tư vấn độc lập đủ năng lực để thẩm định tính hiệu quả của dự án.

Hiện nay, do tình hình thị trường tài chính chưa ổn định nên dự kiến trong năm 2012 Công ty chưa đẩy mạnh tiến độ dự án trên.

4.19 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) đã tiến hành thu thập thông tin, khảo sát công trình thủy điện Đrây H'Linh, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3 cũng như các dòng vốn cần thiết để hoạt động.

Vì lý do khách quan bất khả kháng là hạn hán kéo dài trong năm 2010 nên các chỉ số của Công ty có phần sụt giảm so với năm 2009, tuy nhiên, vẫn nằm ở mức có hiệu quả. Có thể xem đây là một tình huống thử nghiệm khắc nghiệt mà công ty đã vượt qua thành công. Điều đó chứng tỏ sự ổn định và khả năng sinh lợi cao của Công ty trong điều kiện bình thường.

Ngoài ra, do tình hình thiếu hụt điện năng cùng với chính sách xây dựng một thị trường điện cạnh tranh, nhà đầu tư có quyền kỳ vọng vào sự thay đổi về giá bán điện theo chiều hướng có lợi cho các doanh nghiệp phát điện.

Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 hoàn toàn có thể thực hiện thành công kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012.

Các nhận xét trên đây được Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) đưa ra dưới góc độ là nhà tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về triển vọng của nền kinh tế, của ngành điện và của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3. Các nhận xét này có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư, không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) không sở hữu bất kỳ cổ phần nào của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3.

4.20 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

4.21 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng tính đến 30/06/2011 còn nợ PC3.HP tổng số tiền 467.858.401 đồng xuất phát từ quan hệ thanh toán trong thực hiện Hợp đồng giao nhận thầu xây dựng Cầu Drây H'Linh (gói thầu số 6). Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ đã ký kết. Vụ việc này PC3.HP đã khởi kiện ra tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng theo trình tự tố tụng dân sự kinh tế và PC3.HP đã thắng kiện. Tòa án nhân dân đã ra bản án phán quyết Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng phải trả cho PC3.HP số tiền trên.

PC3.HP đã làm đơn gửi tới thi hành án đề nghị cưỡng chế thi hành bản án theo quy định pháp luật thi hành án, cho đến nay chưa có kết quả do Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng không có điều kiện về tài sản để thi hành án. HĐQT giao cho Giám đốc tiếp tục theo dõi để tiếp tục đòi khoản nợ trên khi người phải thi hành án có điều kiện tài sản.

Công ty đã trích lập dự phòng tài chính 470.000.000 đồng cho khoản nợ nêu trên kể từ quý 2 năm 2011. Nếu thu hồi được nợ, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng này dẫn tới lợi nhuận tăng lên.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 5.1 Loại chứng khoán** : Cổ phiếu phổ thông
- 5.2 Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu
- 5.3 Tổng số cổ phiếu niêm yết** : 9.500.000 cổ phiếu
- 5.4 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**
- **Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập**
 - Cổ đông sáng lập: Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung)
 - Cổ phiếu của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.
 - Công ty đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 20/11/2003. Việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập của Công ty còn hiệu lực đến hết ngày 19/11/2006, theo như quy định tại Điều lệ Công ty: “*Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày được thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần được quyền chào bán. Các cổ đông sáng lập này được quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập thì việc chuyển nhượng này cần phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn ba năm nêu trên, các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ*”.

- **Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng**

- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là: 345.500 cổ phần do cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng Công ty cam kết nắm giữ, trong đó:

Stt	Họ và tên	Chức danh	SL CK sở hữu (CP)	SL CK cam kết nắm giữ trong 6 tháng	SLCK cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
1	Lê Kim Hùng	Chủ tịch HĐQT	10.000	10.000	5.000
2	Nguyễn Sơn	Ủy viên HĐQT	10.000	10.000	5.000
3	Trần Thừa Hàng	Ủy viên HĐQT	200.900	200.900	100.450
4	Trần Cao Hón	Ủy viên HĐQT	12.000	12.000	6.000
5	Nguyễn Thành Vinh	Ủy viên HĐQT	30.000	30.000	15.000
6	Tăng Tấn Ngân	Trưởng BKS	20.000	20.000	10.000
7	Hồ Thăng Thu	Ủy viên BKS	10.000	10.000	5.000
8	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên BKS	40.000	40.000	20.000
9	Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	12.600	12.600	6.300

- Quy định về hạn chế chuyển nhượng theo điểm đ, khoản 1 Điều 8 - Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

5.5 Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách (Book Value)

$$\text{Giá trị sổ sách (Book Value)} = \frac{\text{Tổng giá trị tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Các khoản nợ})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Căn cứ theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty CP Thủy Điện Điện lực 3, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 là 12.704 đồng/cp.

Theo phương pháp so sánh (Multiplier Method):

Phương pháp so sánh là phương pháp sử dụng các hệ số nhân giá trị của các Công ty hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có sự tương đồng về ngành nghề kinh doanh và quy mô với Công ty cần định giá (Công ty so sánh) làm căn cứ tiến hành so sánh và đưa ra mức giá cho Công ty cần định giá. Các bước thực hiện:

- Bước 1:* Nghiên cứu và chọn lựa các Công ty so sánh, tiến hành thu thập số liệu.
- Bước 2:* Lựa chọn các hệ số nhân giá trị để làm tham chiếu tính giá (P/E, P/B,...). Tính toán và phân tích các số liệu của các Công ty so sánh để có được hệ số nhân giá trị, từ đó đưa ra hệ số nhân giá trị cho Công ty cần định giá.
- Bước 3:* Trên cơ sở các số liệu của Công ty cần định giá xác định các chỉ số cần thiết (thu nhập trên mỗi cổ phiếu, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu) để kết hợp với hệ số nhân giá trị tính giá cổ phiếu.

Theo đó, có 3 công ty được lựa chọn để so sánh là: Công ty CP Thủy điện Nậm Mu (HJS); Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II (RHC); Công ty CP Thủy điện Nà Loi (NLC). Các công ty này có quy mô nhỏ, vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng trở xuống và tổng tài sản dưới 1.000 tỷ đồng.

Chỉ số	Đơn vị	HJS	RHC	NLC	DRL
Giá điều chỉnh (*)	đồng/CP	6.600	18.880	14.900	
Giá đóng cửa 07/03/2012	đồng/CP	6.600	11.800	14.900	
Mức vốn hóa thị trường	tỷ đồng	94.500	58.880	67.500	
Số CP lưu hành 30/9/2011	1000 CP	15.000	3.200	5.000	9.500
BV	đồng/CP	10.783	21.244	21.373	12.704
P/E	lần	13,13	7,70	4,94	
P/B	lần	0,61	0,89	0,70	
Tổng tài sản 30/9/2011	Trđ	615.794	146.925	114.044	141.614
Vốn chủ sở hữu	Trđ	161.744	67.981	106.864	120.687
Vốn điều lệ	Trđ	150.000	32.000	50.000	95.000
Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất	Trđ	7.543	7.850	15.089	30.652
EPS	đồng/CP	503	2.453	3.018	3.227

(*)RHC chia thưởng tỷ lệ 10:6 bằng cổ phiếu, ngày giao dịch không hưởng quyền 18/7/2011, niêm yết bổ sung vào 21/10/2011; LNST của HJS, RHC, NLC 4 quý gần nhất được lấy từ Q4/2011 vì hiện chưa có BCTC kiểm toán năm 2011 của các công ty; Số liệu DRL được lấy tại 31/12/2011.

Phương pháp P/E

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3	EPS tại 31/12/2011
EPS (đồng/cp)	3.227
P/E trung bình	8,59
Giá cổ phiếu (đồng/cp) trước điều chỉnh	27.705
Cổ tức chia sau 31/12/2011	2.000
Giá cổ phiếu (đồng/cp) sau điều chỉnh	25.705

Phương pháp P/B:

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3	Ngày 31/12/2011
Giá trị sổ sách (đ/cp)	12.704
P/B trung bình	0,73
Giá cổ phiếu (đồng/cp) trước điều chỉnh	9.307
Cổ tức chia sau 31/12/2011	2.000
Giá cổ phiếu (đồng/cp) sau điều chỉnh	7.307

Tính trung bình theo ba phương pháp, giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3 là 16.572 đ/cp trước khi điều chỉnh và 14.572 đ/cp sau khi điều chỉnh.

Kết luận:

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực 3 không có lợi nhuận giữ lại nhiều, do đó giá trị sổ sách của Công ty không cao. Theo Công ty, mức giá tính theo phương pháp so sánh P/E phản ánh hợp lý hơn giá trị cổ phiếu so với các phương pháp khác. Do đó, Công ty dự kiến lựa chọn mức giá tham chiếu để giao dịch cổ phiếu trong ngày đầu tiên là 20.000 đồng/CP, bằng khoảng 77,8% giá tính theo phương pháp P/E và cao hơn 37,2% so với giá trung bình ba phương pháp. Tùy theo tình hình thị trường vào thời điểm niêm yết, giá niêm yết chính thức có thể được điều chỉnh so với giá dự kiến trên.

5.6 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân theo các quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ Tướng Chính Phủ (có hiệu lực ngày 1 tháng 6 năm 2009) về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức niêm yết.

Vì vậy, khi được phép giao niêm yết trên SGDCK TP. HCM, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, tương đương với 4.655.000 cổ phiếu và có giá trị niêm yết tính theo mệnh giá là 46.550.000.000 tỷ đồng.

5.7 Các loại thuế có liên quan

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10%.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:** Áp dụng mức thuế suất 25%.

- Được hưởng thuế xuất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy Thủy điện Dray H'Linh 2 đi vào hoạt động tháng 1

năm 2007, do vậy đơn vị được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.

- Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi đơn vị có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Năm 2007 là năm đầu tiên đơn vị có thu nhập chịu thuế; theo đó đơn vị được miễn thuế trong 04 năm (2007-2010) và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2011-2019).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số: 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ.

▪ **Về thuế nhập khẩu:**

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).

▪ **Về tiền thuê đất:**

- Được miễn tiền thuê đất trong 13 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất. Công ty được UBND tỉnh Đắk Lắk giao đất ngày 05/05/2003 tại Quyết định số: 1243/QĐ-UB, theo đó đơn vị được miễn tiền thuê đất từ năm 2003 đến năm 2015.

▪ **Các loại thuế khác như:** Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thì Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

▪ **Phần ưu đãi của tỉnh:**

- Được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách (phần ngân sách tỉnh được hưởng) trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên đơn vị có thu nhập chịu thuế, theo đó đơn vị được ngân sách tỉnh cấp lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách (phần ngân sách tỉnh được hưởng) trong 05 năm (2007-2011) và được giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (2012-2018).

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất và phần ưu đãi của tỉnh được quy định trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số: 24/GP-UB ngày 22 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

▪ Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

▪ **Tổ chức niêm yết:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ : Xã EaPô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
Điện thoại : 0500 248 6565 Fax: 0992 750 108
Website : www.pc3hp.com.vn

▪ **Tổ chức tư vấn:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)

Website: www.kisvn.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, tòa nhà Maritime
Bank, 180-192 Nguyễn
Công Trứ, Q.1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3821 6898

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà CTM, 299
Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP.
Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (04) 3974 4501

▪ **Tổ chức kiểm toán:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : 217 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 3655 886
Fax : 0511 3655 887
Website : www.aac.com.vn

VII. PHỤ LỤC: Hồ sơ kèm theo

1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi chuyển đổi và các lần thay đổi
3. Điều lệ Công ty phù hợp với điều lệ mẫu công ty niêm yết
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu
5. Báo cáo tài chính đã kiểm toán các năm 2009, 2010, 2011
6. Hợp đồng tư vấn niêm yết
7. Những văn bản có tính pháp lý, các cam kết liên quan đến tổ chức niêm yết

Bản cáo bạch này được thực hiện một cách hợp lý, công bằng và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu gần nhất.

Xác nhận của những người chịu trách nhiệm chính đối với Bản cáo bạch này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2012

Đại diện Tổ chức Niêm yết

Chủ tịch HĐQT

Giám đốc



Lê Kim Hùng

Nguyễn Sơn

Trưởng ban kiểm soát

Kế toán trưởng

Tăng Tấn Ngân

Phạm Đức Hùng

Đại diện tổ chức tư vấn

Tổng Giám đốc



Oh Kyung Hee